

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VĨNH LẠI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/ĐA-UBND

Vĩnh Lại, ngày 14 tháng 8 năm 2026

ĐỀ ÁN

Sắp xếp các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trên địa bàn xã Vĩnh Lại

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 08/4/2026 của Chính phủ về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong tình hình mới; Thông báo Kết luận số 105-TB/VPTW ngày 24/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng; Kế hoạch số 1186/KH-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đẩy mạnh sắp xếp mạng lưới và thực hiện thí điểm một số mô hình đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập; Công văn số 4054/BGDĐT-GDPT ngày 30/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đẩy mạnh sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên công lập phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp; Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quy mô tối đa số lớp của cơ sở giáo dục; Văn bản số 8127/VP-VX ngày 03/7/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc triển khai hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông báo số 513-TB/TU ngày 04/8/2026 của Thành ủy Hải Phòng về Thông báo Kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy về phương án, kế hoạch sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Thực hiện Kế hoạch số 306/KH-UBND ngày 07/8/2026 của UBND thành phố Hải Phòng về việc sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lại ban hành Đề án sắp xếp các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn xã Vĩnh Lại, cụ thể như sau:

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT

Tổng số trường công lập trên địa bàn xã 15 trường, với 224 nhóm/lớp và 7001 học sinh, gồm: 04 trường mầm non, với 67 nhóm lớp, 1745 trẻ; 06 trường tiểu học, với 93 lớp, 2799 học sinh; 05 trường THCS, với 64 lớp, 2457 học sinh. Qua rà soát cho thấy, quy mô lớp học các trường trên địa bàn xã nhỏ, có sự chênh lệch lớn về số lớp, số học sinh giữa các trường: Số trường có quy mô từ 20 lớp trở lên có 04 trường gồm: Mầm non Tân Hương, Mầm non Ứng Hòa, Tiểu học Tân Hương, Tiểu học Nghĩa An; còn lại 11 trường có quy mô dưới 20 lớp, trong đó 06 trường có quy mô nhỏ từ 10 lớp trở xuống gồm: Mầm non Quyết Thắng, Tiểu học Ninh Thành, Tiểu học Ninh Hòa, Tiểu học Quyết Thắng, THCS Ninh Thành, THCS Quyết Thắng, thấp hơn nhiều so với quy mô tối đa theo Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo

dục và Đào tạo quy định về quy mô tối đa số lớp của cơ sở giáo dục (Mầm non 30, Tiểu học 40, THCS 45 lớp). Với thực trạng mạng lưới trường lớp có quy mô nhỏ của xã như hiện tại làm phân tán nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, tăng đầu mỗi quản lý, chưa đáp ứng yêu cầu tổ chức mạng lưới trường học theo hướng tinh gọn, hiện đại.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với mô hình chính quyền địa phương hai cấp và quán triệt Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, việc rà soát, sắp xếp các trường công lập trên địa bàn xã là rất cần thiết nhằm tối ưu hóa nguồn lực đầu tư, nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường, nâng cao chất lượng dạy và học, đồng thời bảo đảm không gián đoạn hoạt động giáo dục, không ảnh hưởng đến quyền lợi học tập của học sinh.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
- Luật Giáo dục năm 2019;
- Luật Nhà giáo năm 2025;
- Luật Viên chức số 129/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;
- Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;
- Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 08/4/2026 của Chính phủ về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong tình hình mới;
- Thông báo Kết luận số 105-TB/VPTW ngày 24/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng;
- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 299/2026/NĐ-CP ngày 28/7/2026 của Chính phủ quy định tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ;
- Công văn số 777/TTg-TCCV ngày 10/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã;
- Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP ngày 05/8/2026 của Chính phủ về cơ cấu, số lượng và một số chính sách đối với hiệu trưởng, giám đốc, phó hiệu trưởng, phó giám đốc, nhân sự hỗ trợ giáo dục khi thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã;

- Kế hoạch số 1186/KH-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đẩy mạnh sắp xếp mạng lưới và thực hiện thí điểm một số mô hình đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập;

- Công văn số 4054/BGDĐT-GDPT ngày 30/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đẩy mạnh sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên công lập phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp;

- Công văn số 4291/BGDĐT-GDPT ngày 08/7/2026 về việc hoàn thành việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục theo Nghị quyết số 180/NQ-CP của Chính phủ;

- Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quy mô tối đa số lớp của cơ sở giáo dục;

- Thông tư số 12/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục;

- Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục;

- Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24/7/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

- Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026 ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-TT-BGDĐT ngày 23/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường Mầm non;

- Thông tư 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

- Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập;

- Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

- Thông tư số 03/2026/TT-BTC ngày 01/01/2026 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Thông tư số 28/2026/TT-BGDĐT ngày 09/4/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non;
- Thông tư số 30/2026/TT-BGDĐT ngày 14/4/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở phổ thông;
- Công văn số 8127/VP-VX ngày 03/7/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc triển khai hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Kế hoạch số 306/KH-UBND ngày 07/8/2026 của UBND thành phố Hải Phòng về việc sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;
- Căn cứ điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và tình hình thực tế của xã. Trên cơ sở thực tế về quy mô trường, lớp, số học sinh các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn xã.

Phần II

THỰC TRẠNG CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ VĨNH LẠI

1. Vị trí, chức năng

15 trường trên địa bàn xã đều là đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lại, do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên; có tư cách pháp nhân, có con dấu và được mở tài khoản theo quy định của pháp luật. Trường chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức bộ máy, nhân lực, tài sản, tài chính, kế hoạch phát triển giáo dục của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lại, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hỗ trợ, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Các trường công lập trên địa bàn xã Vĩnh Lại thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường học: Đối với các trường mầm non thực hiện theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường Mầm non; Đối với các trường Tiểu học, THCS thực hiện theo Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026 ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể đối với từng cấp học như sau:

2.1. Các trường mầm non

- Xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi của nhà trường.
- Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
- Chủ động đề xuất nhu cầu, tham gia tuyển dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường công lập; quản lý, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định. Công bố công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường trong quản lý hoạt động giáo dục.

- Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; quản lý trẻ em; tổ chức giáo dục hoà nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường trong quản lý hoạt động giáo dục.

- Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; quản lý trẻ em; tổ chức giáo dục hoà nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non; thực hiện hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non khác trên địa bàn nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục theo phân công của cấp có thẩm quyền.

- Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa.

- Tham mưu với chính quyền, phối hợp với gia đình hoặc người chăm sóc trẻ em và tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động phù hợp trong cộng đồng.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Các trường tiểu học, trung học cơ sở

- Xác định tầm nhìn, sứ mạng, các giá trị cốt lõi của nhà trường; xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục nhà trường đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông, phù hợp với điều kiện thực tiễn, nhu cầu và đặc điểm của học sinh.

- Quyết định phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, bao gồm tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM/STEAM, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), hướng nghiệp, kỹ năng sống, giáo dục hội nhập, giáo dục hòa nhập và các hoạt động giáo dục tăng cường theo nhu cầu, sở thích chính đáng của học sinh, phù hợp với quy định của pháp luật; không vi phạm quy định về dạy thêm, học thêm. Chủ động triển khai hoặc phối hợp với tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có chức năng trong hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo để thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh, phát triển đội ngũ, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng, nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường và đạt chuẩn quốc gia. Tham gia các kỳ đánh giá quốc gia, quốc tế về chất lượng giáo dục phổ thông theo yêu cầu của các cơ quan quản lý giáo dục quốc gia và địa phương.

- Thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông và quản trị nhà trường; ứng dụng công nghệ thông tin, nền tảng số trong dạy học, kiểm tra, đánh giá và quản lý; phát triển, sử dụng học liệu số; quản lý, khai thác, kết nối dữ liệu giáo dục theo quy định, bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin.

- Tuyển sinh, tiếp nhận, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức thực hiện giáo dục bắt buộc đối với cấp tiểu học và trung học cơ sở. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

- Quản lý, thực hiện chế độ, chính sách đối với giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, nhân sự hỗ trợ giáo dục theo quy định của pháp luật; tổ chức cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhân sự hỗ trợ giáo dục, học sinh tham gia các hoạt động xã hội; thực hiện quy chế dân chủ trong trường học.

- Phối hợp với gia đình, cộng đồng trong giáo dục học sinh, tổ chức các hoạt động tư vấn học sinh, chăm sóc sức khỏe thể chất, tinh thần cho học sinh và tổ chức các hoạt động xã hội; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; phòng, chống tiêu cực, bạo lực học đường và các hành vi vi phạm pháp luật trong nhà trường; thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sách giáo khoa bảo đảm sử dụng hiệu quả, tiết kiệm; huy động và sử dụng các nguồn lực xã hội hóa phục vụ hoạt động dạy và học trong nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật. Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

3. Quy mô trường, lớp và học sinh

Tổng số trường công lập trên địa bàn xã 15 trường, với 7001 học sinh, gồm: 04 trường mầm non, với 67 nhóm lớp, 1745 trẻ; 06 trường tiểu học, với 93 lớp, 2799 học sinh; 05 trường THCS, với 64 lớp, 2457 học sinh. Quy mô cụ thể từng trường như sau:

3.1. Trường Mầm non Tân Hương

- Có 01 trường chính và 01 phân hiệu (trường thực hiện sáp nhập từ 01/6/2026).

- Tổng số lớp: 21 nhóm, lớp.

- Tổng số trẻ: 544 trẻ.

- Sĩ số bình quân/lớp: 26 trẻ.

3.2. Trường Mầm non Nghĩa An

- Có 01 trường chính và 01 điểm trường (02 lớp nhà trẻ ở thôn Trịnh Xuyên).

- Tổng số lớp: 17 nhóm, lớp.

- Tổng số trẻ: 502 trẻ.

- Sĩ số bình quân/lớp: 29,5 trẻ.

3.3. Trường Mầm non Ứng Hòa

- Có 01 trường chính và 01 phân hiệu (trường sáp nhập từ 02 trường: MN Ninh Hòa vào trường MN Ứng Hòa từ năm 2020).

- Tổng số lớp: 20 nhóm lớp.

- Tổng số trẻ: 502 trẻ.

- Sĩ số bình quân/lớp: 25,1 trẻ.

3.4. Trường Mầm non Quyết Thắng

- Trường xây dựng tập trung tại một khu.

- Tổng số lớp: 9 nhóm, lớp.

- Tổng số trẻ: 197 trẻ.

- Sĩ số bình quân/lớp: 21,1 trẻ.

3.5. Trường Tiểu học Ninh Thành

- Trường xây dựng tập trung tại một khu.

- Tổng số lớp: 10 lớp.

- Tổng số học sinh: 285 học sinh.

- Sĩ số bình quân/lớp: 28,5 học sinh.

3.6. Trường Tiểu học Tân Hương

- Trường xây dựng tập trung tại một khu.

- Tổng số lớp: 20 lớp.

- Tổng số học sinh: 651 học sinh.

- Sĩ số bình quân/lớp: 32,5 học sinh.

3.7. Trường Tiểu học Nghĩa An

- Trường xây dựng tập trung tại một khu.

- Tổng số lớp: 26 lớp.

- Tổng số học sinh: 812 học sinh.

- Sĩ số bình quân/lớp: 31,2 học sinh.

3.8. Trường Tiểu học Ninh Hòa

- Trường xây dựng tập trung tại một khu.

- Tổng số lớp: 9 lớp.

- Tổng số học sinh: 214 học sinh.

- Sĩ số bình quân/lớp: 23,8 học sinh.

3.9. Trường Tiểu học Ứng Hòa

- Trường xây dựng tập trung tại một khu.

- Tổng số lớp: 18 lớp.

- Tổng số học sinh: 562 học sinh.

- Sĩ số bình quân/lớp: 31,2 học sinh.

3.10. Trường Tiểu học Quyết Thắng

- Trường xây dựng tập trung tại một khu.

- Tổng số lớp: 10 lớp.

- Tổng số học sinh: 275 học sinh.

- Sĩ số bình quân/lớp: 27,5 học sinh.

3.11. Trường THCS Ninh Thành

- Trường xây dựng tập trung tại một khu.

- Tổng số lớp: 8 lớp.

- Tổng số học sinh: 264 học sinh.

- Sĩ số bình quân/lớp: 33 học sinh.

3.12. Trường THCS Tân Hương

- Trường xây dựng tập trung tại một khu.
- Tổng số lớp: 14 lớp.
- Tổng số học sinh: 553 học sinh.
- Sĩ số bình quân/lớp: 39,5 học sinh.

3.13. Trường THCS Nghĩa An

- Trường xây dựng tập trung tại một khu.
- Tổng số lớp: 18 lớp.
- Tổng số học sinh: 752 học sinh.
- Sĩ số bình quân/lớp: 41,8 học sinh.

3.14. Trường THCS Ứng Hòa

- Có 01 trường chính và 01 phân hiệu (trường được sáp nhập từ 02 trường: THCS Ninh Hòa cũ vào trường THCS Ứng Hòa cũ năm 2020).

- Tổng số lớp: 16 lớp.
- Tổng số học sinh: 631 học sinh.
- Sĩ số bình quân/lớp: 39 học sinh.

3.15. Trường THCS Quyết Thắng

- Trường xây dựng tập trung tại một khu.
- Tổng số lớp: 8 lớp.
- Tổng số học sinh: 257 học sinh.
- Sĩ số bình quân/lớp: 32,1 học sinh.

(Chi tiết tại phụ lục 01)

4. Cơ cấu tổ chức, biên chế

Tính đến ngày 30/7/2026, tổng số cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên đang làm việc tại 15 trường công lập trên địa bàn xã là 496 người, gồm: 36 cán bộ quản lý, 391 giáo viên (04 giáo viên hợp đồng) và 36 nhân viên (02 nhân viên hợp đồng); 19 nhân viên nấu ăn, 18 nhân viên bảo vệ.

4.1. Trường Mầm non Quyết Thắng

- Tổng số biên chế được giao năm 2026: 22 người
- Tổng số biên chế có mặt đến tháng 7/2026: 22 người, trong đó:
 - + Cán bộ quản lý: 03 người gồm: 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng.
 - + Giáo viên: 18 người.
- Nhân viên kế toán biên chế: 01 người.
- Nhân viên nấu ăn: 02 người.
- Nhân viên bảo vệ: 01 người.
- Tổ chức Đảng, đoàn thể: Trường có 01 chi bộ với 20 đảng viên, 01 tổ chức chi đoàn thanh niên với 07 đoàn viên.
- Tổ chuyên môn: Trường có 02 tổ chuyên môn gồm: Tổ nhà trẻ: 06 giáo viên; Tổ Mẫu giáo: 12 giáo viên; không có tổ văn phòng.

4.2. Trường Mầm non Ứng Hòa

- Tổng số biên chế được giao năm 2026: 45 người
- Tổng số biên chế có mặt đến tháng 7/2026: 44 người, trong đó:
 - + Cán bộ quản lý: 02 người gồm: 01 hiệu trưởng; 01 phó hiệu trưởng.

- + Giáo viên: 41 người.
- Nhân viên kế toán biên chế: 01 người.
- Nhân viên nấu ăn: 06 người
- Nhân viên bảo vệ: 02 người.
- Tổ chức Đảng, đoàn thể: Trường có 01 chi bộ với 39 đảng viên, 01 tổ chức chi đoàn thanh niên với 21 đoàn viên.
- Tổ chuyên môn, văn phòng: Trường có 02 tổ chuyên môn gồm: Tổ nhà trẻ: 13 giáo viên; Tổ Mẫu giáo: 28 giáo viên; Tổ văn phòng: 03 nhân viên.

4.3. Trường Mầm non Nghĩa An

- Tổng số biên chế được giao năm 2026: 38 người
- Tổng số biên chế có mặt đến tháng 7/2026: 38 người, trong đó:
 - + Cán bộ quản lý: 03 người gồm: 01 hiệu trưởng; 02 phó hiệu trưởng.
 - + Giáo viên: 34 người.
 - Nhân viên kế toán biên chế: 01 người.
 - Nhân viên nấu ăn: 05 người
 - Nhân viên bảo vệ: 01 người.
 - Tổ chức Đảng, đoàn thể: Trường có 01 chi bộ với 38 đảng viên, 01 tổ chức chi đoàn thanh niên với 22 đoàn viên.
 - Tổ chuyên môn, văn phòng: Trường có 02 tổ chuyên môn gồm: Tổ nhà trẻ: 10 giáo viên; Tổ Mẫu giáo: 24 giáo viên; không có tổ văn phòng.

4.4. Trường Mầm non Tân Hương

- Tổng số biên chế được giao năm 2026: 55 người
- Tổng số biên chế có mặt đến tháng 7/2026: 52 người, trong đó:
 - + Cán bộ quản lý: 04 người gồm: 01 hiệu trưởng; 03 phó hiệu trưởng.
 - + Giáo viên: 47 người.
 - Nhân viên kế toán hợp đồng trong biên chế: 01 người.
 - Nhân viên y tế: 01 người.
 - Nhân viên nấu ăn: 06 người
 - Nhân viên bảo vệ: 02 người.
 - Tổ chức Đảng, đoàn thể: Trường có 01 chi bộ với 41 đảng viên, 01 tổ chức chi đoàn thanh niên với 12 đoàn viên.
 - Tổ chuyên môn, văn phòng: Trường có 02 tổ chuyên môn gồm: Tổ nhà trẻ: 18 giáo viên; Tổ Mẫu giáo: 35 giáo viên; Tổ văn phòng: 04 nhân viên.

4.5. Trường Tiểu học Nghĩa An

- Tổng số biên chế được giao năm 2026: 46 người
- Tổng số biên chế có mặt đến tháng 7/2026: 46 người, trong đó:
 - + Cán bộ quản lý: 03 người gồm: 01 hiệu trưởng; 02 phó hiệu trưởng.
 - + Giáo viên: 40 người.
 - + Giáo viên hợp đồng: 02 người
 - Nhân viên kế toán biên chế: 01 người.
 - Nhân viên thư viện: 01 người.
 - Nhân viên y tế: 01 người
 - Nhân viên bảo vệ: 01 người.

- Tổ chức Đảng, đoàn thể: Trường có 01 chi bộ với 36 đảng viên, 01 tổ chức chi đoàn thanh niên với 08 đoàn viên.

- Tổ chuyên môn, văn phòng: Trường có 02 tổ chuyên môn gồm: Tổ chuyên môn 1+2+3: 23 giáo viên; Tổ chuyên môn 4+5: 23 giáo viên; Tổ văn phòng: 04 nhân viên.

4.6. Trường Tiểu học Ninh Hòa

- Tổng số biên chế được giao năm 2026: 18 người

- Tổng số biên chế có mặt đến tháng 7/2026: 18 người, trong đó:

- + Cán bộ quản lý: 02 người gồm: 01 hiệu trưởng; 01 phó hiệu trưởng.

- + Giáo viên: 14 người.

- Nhân viên kế toán biên chế: 01 người.

- Nhân viên thư viện: 01 người.

- Nhân viên bảo vệ: 01 người.

- Tổ chức Đảng, đoàn thể: Trường có 01 chi bộ với 16 đảng viên, 01 tổ chức chi đoàn thanh niên với 02 đoàn viên.

- Tổ chuyên môn, văn phòng: Trường có 02 tổ chuyên môn gồm: Tổ chuyên môn 1+2+3: 07 giáo viên; Tổ chuyên môn 4+5: 07 giáo viên; Tổ văn phòng: 03 nhân viên.

4.7. Trường Tiểu học Quyết Thắng

- Tổng số biên chế được giao năm 2026: 18 người

- Tổng số biên chế có mặt đến tháng 7/2026: 18 người, trong đó:

- + Cán bộ quản lý: 02 người gồm: 01 hiệu trưởng; 01 phó hiệu trưởng.

- + Giáo viên: 14 người.

- Nhân viên kế toán biên chế: 01 người.

- Nhân viên thư viện: 01 người.

- Nhân viên bảo vệ: 01 người.

- Tổ chức Đảng, đoàn thể: Trường có 01 chi bộ với 18 đảng viên, 01 tổ chức chi đoàn thanh niên với 9 đoàn viên.

- Tổ chuyên môn, văn phòng: Trường có 02 tổ chuyên môn gồm: Tổ chuyên môn 1+2+3: 8 giáo viên; Tổ chuyên môn 4+5: 6 giáo viên; Tổ văn phòng: 03 nhân viên.

4.8. Trường Tiểu học Ứng Hòa

- Tổng số biên chế được giao năm 2026: 30 người

- Tổng số biên chế có mặt đến tháng 7/2026: 30 người, trong đó:

- + Cán bộ quản lý: 02 người gồm: 01 hiệu trưởng; 01 phó hiệu trưởng.

- + Giáo viên: 25 người.

- Nhân viên kế toán biên chế: 01 người.

- Nhân viên thư viện: 01 người.

- Nhân viên Y tế: 01 người.

- Nhân viên bảo vệ: 01 người.

- Tổ chức Đảng, đoàn thể: Trường có 01 chi bộ với 25 đảng viên, 01 tổ chức chi đoàn thanh niên với 15 đoàn viên.

- Tổ chuyên môn, văn phòng: Trường có 02 tổ chuyên môn gồm: Tổ chuyên môn 1+2+3: 13 giáo viên; Tổ chuyên môn 4+5: 12 giáo viên; Tổ văn phòng: 04 nhân viên.

4.9. Trường Tiểu học Ninh Thành

- Tổng số biên chế được giao năm 2026: 20 người
- Tổng số biên chế có mặt đến tháng 7/2026: 20 người, trong đó:
 - + Cán bộ quản lý: 02 người gồm: 01 hiệu trưởng; 01 phó hiệu trưởng.
 - + Giáo viên: 16 người.
- Nhân viên kế toán biên chế: 01 người.
- Nhân viên thư viện: 01 người.
- Nhân viên bảo vệ: 01 người.
- Tổ chức Đảng, đoàn thể: Trường có 01 chi bộ với 19 đảng viên, 01 tổ chức chi đoàn thanh niên với 3 đoàn viên.
- Tổ chuyên môn, văn phòng: Trường có 02 tổ chuyên môn gồm: Tổ chuyên môn 1+2+3: 08 giáo viên; Tổ chuyên môn 4+5: 08 giáo viên; Tổ văn phòng: 03 nhân viên.

4.10. Trường Tiểu học Tân Hương

- Tổng số biên chế được giao năm 2026: 34 người
- Tổng số biên chế có mặt đến tháng 7/2026: 34 người, trong đó:
 - + Cán bộ quản lý: 02 người gồm: 01 hiệu trưởng; 01 phó hiệu trưởng.
 - + Giáo viên: 30 người.
- Nhân viên kế toán biên chế: 01 người.
- Nhân viên thư viện: 01 người.
- Nhân viên bảo vệ: 01 người.
- Nhân viên hợp đồng Y tế: 01 người.
- Tổ chức Đảng, đoàn thể: Trường có 01 chi bộ với 26 đảng viên, 01 tổ chức chi đoàn thanh niên với 14 đoàn viên.
- Tổ chuyên môn, văn phòng: Trường có 02 tổ chuyên môn gồm: Tổ chuyên môn 1+2+3: 17 giáo viên; Tổ chuyên môn 4+5: 15 giáo viên; Tổ văn phòng: 04 nhân viên.

4.11. Trường Trung học cơ sở Ninh Thành

- Tổng số biên chế được giao năm 2026: 19 người
- Tổng số biên chế có mặt đến tháng 7/2026: 19 người, trong đó:
 - + Cán bộ quản lý: 02 người gồm: 01 hiệu trưởng; 01 phó hiệu trưởng.
 - + Giáo viên: 14 người.
- Nhân viên kế toán biên chế: 01 người.
- Nhân viên thư viện: 01 người.
- Nhân viên văn thư: 01 người.
- Nhân viên bảo vệ: 01 người.
- Tổ chức Đảng, đoàn thể: Trường có 01 chi bộ với 18 đảng viên, 01 tổ chức chi đoàn thanh niên với 5 đoàn viên.
- Tổ chuyên môn, văn phòng: Trường có 02 tổ chuyên môn gồm: Tổ chuyên môn tự nhiên: 6 giáo viên; Tổ chuyên môn xã hội: 8 giáo viên; Tổ văn phòng: 04 nhân viên.

4.12. Trường Trung học cơ sở Tân Hương

- Tổng số biên chế được giao năm 2026: 28 người
- Tổng số biên chế có mặt đến tháng 7/2026: 28 người, trong đó:

- + Cán bộ quản lý: 02 người gồm: 01 hiệu trưởng; 01 phó hiệu trưởng.
- + Giáo viên: 23 người.
- Nhân viên kế toán biên chế: 01 người.
- Nhân viên thư viện: 01 người.
- Nhân viên văn thư: 01 người.
- Nhân viên bảo vệ: 01 người.
- Tổ chức Đảng, đoàn thể: Trường có 01 chi bộ với 24 đảng viên, 01 tổ chức chi đoàn thanh niên với 13 đoàn viên.
- Tổ chuyên môn, văn phòng: Trường có 02 tổ chuyên môn gồm: Tổ chuyên môn tự nhiên: 10 giáo viên; Tổ chuyên môn xã hội: 13 giáo viên; Tổ văn phòng: 04 nhân viên.

4.13. Trường Trung học cơ sở Nghĩa An

- Tổng số biên chế được giao năm 2026: 36 người
- Tổng số biên chế có mặt đến tháng 7/2026: 36 người, trong đó:
- + Cán bộ quản lý: 02 người gồm: 01 hiệu trưởng; 01 phó hiệu trưởng.
- + Giáo viên: 30 người.
- Nhân viên kế toán biên chế: 01 người.
- Nhân viên thư viện: 01 người.
- Nhân viên văn thư: 01 người.
- Nhân viên thiết bị: 01 người.
- Nhân viên bảo vệ: 01 người.
- Tổ chức Đảng, đoàn thể: Trường có 01 chi bộ với 34 đảng viên, 01 tổ chức chi đoàn thanh niên với 04 đoàn viên.
- Tổ chuyên môn, văn phòng: Trường có 02 tổ chuyên môn gồm: Tổ chuyên môn tự nhiên: 16 giáo viên; Tổ chuyên môn xã hội: 14 giáo viên; Tổ văn phòng: 05 nhân viên.

4.14. Trường Trung học cơ sở Quyết Thắng

- Tổng số biên chế được giao năm 2026: 19 người
- Tổng số biên chế có mặt đến tháng 7/2026: 19 người, trong đó:
- + Cán bộ quản lý: 02 người gồm: 01 hiệu trưởng; 01 phó hiệu trưởng.
- + Giáo viên: 14 người.
- Nhân viên kế toán biên chế: 01 người.
- Nhân viên thư viện, thiết bị: 01 người.
- Nhân viên văn thư: 01 người.
- Nhân viên bảo vệ: 01 người.
- Tổ chức Đảng, đoàn thể: Trường có 01 chi bộ với 14 đảng viên, 01 tổ chức chi đoàn thanh niên với 03 đoàn viên.
- Tổ chuyên môn, văn phòng: Trường có 02 tổ chuyên môn gồm: Tổ chuyên môn tự nhiên: 06 giáo viên; Tổ chuyên môn xã hội: 08 giáo viên; Tổ văn phòng: 04 nhân viên.

4.15. Trường Trung học cơ sở Ứng Hòa

- Tổng số biên chế được giao năm 2026: 33 người
- Tổng số biên chế có mặt đến tháng 7/2026: 33 người, trong đó:
- + Cán bộ quản lý: 02 người gồm: 01 hiệu trưởng; 01 phó hiệu trưởng.

- + Giáo viên: 28 người.
- Nhân viên kế toán biên chế: 01 người.
- Nhân viên thư viện: 01 người.
- Nhân viên văn thư: 01 người.
- Nhân viên bảo vệ: 02 người.
- Tổ chức Đảng, đoàn thể: Trường có 01 chi bộ với 27 đảng viên, 01 tổ chức chi đoàn thanh niên với 6 đoàn viên.
- Tổ chuyên môn, văn phòng: Trường có 02 tổ chuyên môn gồm: Tổ chuyên môn tự nhiên: 15 giáo viên; Tổ chuyên môn xã hội: 15 giáo viên; Tổ văn phòng: 05 nhân viên.

(Chi tiết tại phụ lục 02 và 03)

5. Cơ sở vật chất, thiết bị, hồ sơ, tài liệu

5.1. Trường Mầm non Tân Hương

- Tổng diện tích đất là 14.054 m²
- + Trường chính: Diện tích: 9.974m²; Địa chỉ thôn Nam Tân Hương, xã Vĩnh Lại.
- + Phân hiệu: Diện tích: 4.080m²; Địa chỉ thôn Ninh Thành, xã Vĩnh Lại.
- Địa chỉ: Thôn Nam Tân Hương, xã Vĩnh Lại, thành phố Hải Phòng.
- Số phòng học: 19 phòng học đủ cho 21 nhóm lớp. Mỗi phòng học đều có nhà vệ sinh của trẻ, nhà kho liền kề. Số phòng học hiện tại chưa đủ theo qui mô nhóm lớp, có 01 lớp đang học tại Văn phòng nhà trường và 01 lớp học ngăn đôi.
- Phòng hành chính: Có 08 phòng gồm: 01 văn phòng, 01 phòng Hiệu trưởng, 03 phòng phó hiệu trưởng, 02 phòng Bảo vệ, 01 phòng kế toán.
- Phòng phục vụ học tập: Có 03 phòng gồm: 01 phòng Giáo dục nghệ thuật, 01 phòng thư viện, 01 phòng Thể chất.
- Bếp ăn bán trú: 02 bếp ăn một chiều.
- Công trình phụ trợ: 02 phòng bảo vệ, 02 phòng y tế, 02 nhà để xe, 02 nhà vệ sinh của cán bộ giáo viên.
- Thiết bị phục vụ công tác chăm sóc giáo dục trẻ được trang bị tương đối đầy đủ, đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 của Bộ GD&ĐT; Thông tư 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT quy định về việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong nhà trường.
- Hồ sơ, tài liệu: Có đầy đủ hồ sơ, tài liệu về công tác tổ chức, đội ngũ nhà giáo, nhân viên và trẻ; về tổ chức các hoạt động giáo dục, quản lý tài chính, tài sản theo quy định.

5.2. Trường Mầm non Nghĩa An

- Tổng diện tích đất là 7.188 m²
- + Trường chính: Diện tích: 6.900 m²; Địa chỉ thôn Tân Nghĩa, xã Vĩnh Lại.
- + Điểm trường: Diện tích: 288m²; Địa chỉ thôn Trinh Xuyên, xã Vĩnh Lại.
- Địa chỉ: Thôn Tân Nghĩa, xã Vĩnh Lại, thành phố Hải Phòng.
- Số phòng học: 17 phòng học đủ cho 17 nhóm lớp. Mỗi phòng học đều có nhà vệ sinh của trẻ, nhà kho liền kề.
- Phòng hành chính: Có 05 phòng gồm: 01 văn phòng, 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng kế toán.

- Phòng phục vụ học tập: Có 04 phòng gồm: 01 phòng tin học, 01 phòng Giáo dục nghệ thuật, 01 phòng thư viện, 01 nhà đa năng.

- Bếp ăn bán trú: 01 bếp ăn một chiều.

- Công trình phụ trợ: 01 phòng y tế, 01 phòng bảo vệ, 02 kho; 01 nhà để xe; 02 nhà vệ sinh của cán bộ giáo viên.

- Thiết bị phục vụ công tác chăm sóc giáo dục trẻ được trang bị tương đối đầy đủ, đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 của Bộ GD&ĐT; Thông tư 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT quy định về việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong nhà trường.

- Hồ sơ, tài liệu: Có đầy đủ hồ sơ, tài liệu về công tác tổ chức, đội ngũ nhà giáo, nhân viên và trẻ; về tổ chức các hoạt động giáo dục, quản lý tài chính, tài sản theo quy định.

5.3. Trường Mầm non Ứng Hòa

- Tổng diện tích đất là 12.430 m²

- + Trường chính: Diện tích: 7.200 m²; Địa chỉ thôn Đỗ Xá, xã Vĩnh Lại.

- + Phân hiệu: Diện tích: 5.230 m²; Địa chỉ thôn Ninh Hòa, xã Vĩnh Lại.

- Địa chỉ: Thôn Đỗ Xá, xã Vĩnh Lại, thành phố Hải Phòng

- Số phòng học: 20 phòng học đủ cho 20 nhóm lớp. Mỗi phòng học đều có nhà vệ sinh của trẻ, nhà kho liên kề.

- Phòng hành chính: Có 05 phòng gồm: 01 văn phòng, 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng kế toán.

- Phòng phục vụ học tập: Có 07 phòng gồm: 01 phòng tin học, 02 phòng Giáo dục thể chất, 01 phòng thư viện, 02 phòng steam, 01 phòng nghệ thuật.

- Bếp ăn bán trú: 02 bếp ăn một chiều.

- Công trình phụ trợ: 01 phòng y tế, 02 phòng bảo vệ, 01 kho; 02 nhà để xe; 02 nhà vệ sinh của cán bộ giáo viên.

- Thiết bị phục vụ công tác chăm sóc giáo dục trẻ được trang bị tương đối đầy đủ, đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 của Bộ GD&ĐT; Thông tư 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT quy định về việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong nhà trường.

- Hồ sơ, tài liệu: Có đầy đủ hồ sơ, tài liệu về công tác tổ chức, đội ngũ nhà giáo, nhân viên và trẻ; về tổ chức các hoạt động giáo dục, quản lý tài chính, tài sản theo quy định.

5.4. Trường Mầm non Quyết Thắng

- Tổng diện tích đất là 5.809 m²

- Địa chỉ: Thôn Quyết Thắng, xã Vĩnh Lại.

- Số phòng học: 09 phòng học đủ cho 09 nhóm lớp. Mỗi phòng học đều có nhà vệ sinh của trẻ, nhà kho liên kề.

- Phòng hành chính: Có 05 phòng gồm: 01 văn phòng, 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng kế toán.

- Phòng phục vụ học tập: Có 02 phòng gồm: 01 phòng thể chất, 01 phòng Âm nhạc.

- Bếp ăn bán trú: 01 bếp ăn một chiều.

- Công trình phụ trợ: 01 phòng y tế, 01 phòng bảo vệ, 01 nhà để xe; 02 nhà vệ sinh của cán bộ giáo viên.

- Thiết bị phục vụ công tác chăm sóc giáo dục trẻ được trang bị tương đối đầy đủ, đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 của Bộ GD&ĐT; Thông tư 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT quy định về việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong nhà trường.

- Hồ sơ, tài liệu: Có đầy đủ hồ sơ, tài liệu về công tác tổ chức, đội ngũ nhà giáo, nhân viên và trẻ; về tổ chức các hoạt động giáo dục, quản lý tài chính, tài sản theo quy định.

5.5. Trường Tiểu học Quyết Thắng

- Tổng diện tích đất là 6.708 m²

- Địa chỉ: Thôn Quyết Thắng, xã Vĩnh Lại.

- Phòng học: 10 phòng học đủ cho 10 lớp.

- Phòng học bộ môn: Có 03 phòng gồm: 01 phòng nghệ thuật, 01 phòng Tin học, 01 phòng Tiếng Anh.

- Khối phòng hỗ trợ học tập: 01 phòng thư viện, 01 phòng thiết bị, 01 phòng truyền thống.

- Khối hành chính quản trị: Có 05 phòng gồm: 01 văn phòng, 01 phòng hiệu trưởng, 01 phòng phó hiệu trưởng, 01 nhà vệ sinh giáo viên, 01 phòng bảo vệ.

- Khối phụ trợ: 01 phòng Y tế, 01 nhà để xe học sinh, 02 nhà vệ sinh học sinh.

- Thiết bị dạy học: Được trang bị tương đối đầy đủ, cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hồ sơ, tài liệu: Có đầy đủ hồ sơ, tài liệu về công tác tổ chức, đội ngũ nhà giáo, nhân viên và học sinh; về tổ chức các hoạt động giáo dục, quản lý tài chính, tài sản theo quy định.

5.6. Trường Tiểu học Ứng Hòe

- Tổng diện tích đất là 5.553 m²

- Địa chỉ: Thôn Đỗ Xá, xã Vĩnh Lại.

- Phòng học: 18 phòng học đủ cho 18 lớp.

- Phòng học bộ môn: Có 03 phòng gồm: 01 phòng nghệ thuật, 01 phòng Tin học, 01 phòng Tiếng Anh.

- Phòng hỗ trợ học tập: Có 03 phòng gồm: 01 phòng thư viện, 01 phòng thiết bị, 01 phòng truyền thống.

- Khối phòng hành chính quản trị: Có 08 phòng gồm: 01 văn phòng, 01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng phó hiệu trưởng, 01 nhà vệ sinh giáo viên, 01 phòng bảo vệ, 01 nhà để xe giáo viên, 01 phòng tổ chuyên môn, 01 phòng kế toán.

- Công trình phụ trợ: Có 04 phòng gồm: 01 phòng y tế - tâm lý học đường, 01 nhà kho, 01 nhà để xe học sinh, 01 nhà vệ sinh học sinh.

- Bếp ăn bán trú: 01 bếp nấu ăn, 01 nhà ăn.

- Thiết bị dạy học: Được trang bị tương đối đầy đủ, cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và Danh mục thiết bị dạy học tối

thiếu cấp Tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hồ sơ, tài liệu: Có đầy đủ hồ sơ, tài liệu về công tác tổ chức, đội ngũ nhà giáo, nhân viên và học sinh; về tổ chức các hoạt động giáo dục, quản lý tài chính, tài sản theo quy định.

5.7. Trường Tiểu học Ninh Hòa

- Tổng diện tích đất là 6421 m²

- Địa chỉ: Thôn Ninh Hòa, xã Vĩnh Lại.

- Phòng học: 09 phòng học đủ cho 09 lớp.

- Phòng học bộ môn: Có 05 phòng gồm: 02 phòng nghệ thuật, 01 phòng Tin học, 01 phòng Tiếng Anh, phòng khoa học và công nghệ.

- Khối phòng hỗ trợ học tập: Có 03 phòng gồm: 01 phòng thư viện, 01 phòng thiết bị, 01 phòng truyền thống.

- Khối phòng hành chính quản trị: Có 06 phòng gồm: 01 văn phòng, 01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng phó hiệu trưởng, 01 nhà vệ sinh giáo viên, 01 phòng bảo vệ, 01 nhà để xe giáo viên.

- Khối công trình phụ trợ: Có 05 phòng gồm: 01 phòng y tế học đường, 01 nhà để xe học sinh, 02 nhà vệ sinh học sinh, cổng, tường rào.

- Thiết bị dạy học: Được trang bị tương đối đầy đủ, cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hồ sơ, tài liệu: Có đầy đủ hồ sơ, tài liệu về công tác tổ chức, đội ngũ nhà giáo, nhân viên và học sinh; về tổ chức các hoạt động giáo dục, quản lý tài chính, tài sản theo quy định.

5.8. Trường Tiểu học Nghĩa An

- Tổng diện tích đất là 7175 m²

- Địa chỉ: Thôn Tân Nghĩa, xã Vĩnh Lại.

- Phòng học: 27 phòng học đủ cho 26 lớp.

- Phòng học bộ môn: Có 04 phòng gồm: 02 phòng nghệ thuật, 01 phòng Tin học, 01 phòng Tiếng Anh.

- Khối phòng hỗ trợ học tập: Có 03 phòng gồm: 01 phòng thư viện, 01 phòng thiết bị, 01 phòng truyền thống.

- Khối phòng hành chính quản trị: Có 10 phòng gồm: 01 văn phòng, 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng phó hiệu trưởng, 01 nhà vệ sinh giáo viên, 01 phòng bảo vệ, 01 nhà để xe giáo viên, 02 phòng tổ chuyên môn, 01 phòng kế toán.

- Khối phụ trợ: Có 04 phòng gồm: 01 phòng y tế học đường, 01 nhà để xe học sinh, 02 nhà vệ sinh học sinh, cổng, tường rào.

- Khối phục vụ sinh hoạt: 01 nhà ăn, 01 nhà bếp, 01 phòng ngủ trưa cho học sinh.

- Thiết bị dạy học: Được trang bị tương đối đầy đủ, cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hồ sơ, tài liệu: Có đầy đủ hồ sơ, tài liệu về công tác tổ chức, đội ngũ nhà giáo, nhân viên và học sinh; về tổ chức các hoạt động giáo dục, quản lý tài chính, tài sản theo quy định.

5.9. Trường Tiểu học Tân Hương

- Tổng diện tích đất là 9.418 m²
- Địa chỉ: Thôn Đông Tân Hương, xã Vĩnh Lại.
- Phòng học: 20 phòng học đủ cho 20 lớp.
- Phòng học bộ môn: Có 04 phòng gồm: 02 phòng nghệ thuật, 01 phòng Tin học, 01 phòng Tiếng Anh.
- Khối phòng hỗ trợ học tập: Có 03 phòng gồm: 01 phòng thư viện, 01 phòng thiết bị, 01 phòng truyền thống.
- Khối phòng hành chính quản trị: Có 07 phòng gồm: 01 văn phòng, 01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng phó hiệu trưởng, 01 nhà vệ sinh giáo viên, 01 phòng bảo vệ, 01 nhà để xe giáo viên, 02 phòng tổ chuyên môn, 01 phòng tổ chức đảng đoàn thể.
- Khối phụ trợ: Có 06 phòng gồm: 01 phòng y tế học đường, 01 nhà để xe học sinh, 02 nhà vệ sinh học sinh.
- Khối phục vụ sinh hoạt: 01 Nhà bếp.
- Thiết bị dạy học: Được trang bị tương đối đầy đủ, cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hồ sơ, tài liệu: Có đầy đủ hồ sơ, tài liệu về công tác tổ chức, đội ngũ nhà giáo, nhân viên và học sinh; về tổ chức các hoạt động giáo dục, quản lý tài chính, tài sản theo quy định.

5.10. Trường Tiểu học Ninh Thành.

- Tổng diện tích đất là 3.191 m²
- Địa chỉ: Thôn Ninh Thành, xã Vĩnh Lại.
- Phòng học: 10 phòng học đủ cho 10 lớp.
- Phòng học bộ môn: Có 03 phòng gồm: 01 phòng nghệ thuật, 01 phòng Tin học, 01 phòng Tiếng Anh.
- Khối phòng hỗ trợ học tập: Có 04 phòng gồm: 01 phòng thư viện, 01 phòng thiết bị, 01 phòng truyền thống, 01 Đội.
- Khối hành chính quản trị: Có 09 phòng gồm: 01 văn phòng, 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng phó hiệu trưởng, 01 nhà vệ sinh giáo viên, 01 phòng bảo vệ, 01 nhà để xe giáo viên, 02 phòng tổ chuyên môn.
- Khối phụ trợ: Có 04 phòng gồm: 01 phòng y tế học đường, 01 nhà để xe học sinh, 01 nhà vệ sinh học sinh, công, tường rào.
- Thiết bị dạy học: Được trang bị tương đối đầy đủ, cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Hồ sơ, tài liệu: Có đầy đủ hồ sơ, tài liệu về công tác tổ chức, đội ngũ nhà giáo, nhân viên và học sinh; về tổ chức các hoạt động giáo dục, quản lý tài chính, tài sản theo quy định.

5.11. Trường Trung học cơ sở Ninh Thành.

- Tổng diện tích đất là 3.532 m²
- Địa chỉ: Thôn Ninh Thành, xã Vĩnh Lại.
- Phòng học: 08 phòng học đủ cho 08 lớp.
- Phòng học bộ môn: Có 05 phòng gồm: 02 phòng khoa học tự nhiên, 01 phòng Tin học, 01 phòng Âm nhạc, 01 phòng mỹ thuật.
- Khối phòng hỗ trợ học tập: Có 03 phòng gồm: 01 phòng thư viện, 01 phòng thiết bị, 01 phòng truyền thống.
- Khối hành chính quản trị: Có 07 phòng gồm: 01 văn phòng, 01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng phó hiệu trưởng, 02 nhà vệ sinh giáo viên, 01 phòng bảo vệ, 01 nhà để xe giáo viên.
- Khối phụ trợ: Có 07 phòng gồm: 02 phòng tổ chuyên môn, 01 phòng y tế học đường, 03 khu để xe học sinh, công, tường rào.
- Thiết bị dạy học: Được trang bị tương đối đầy đủ, cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Hồ sơ, tài liệu: Có đầy đủ hồ sơ, tài liệu về công tác tổ chức, đội ngũ nhà giáo, nhân viên và học sinh; hồ sơ về tổ chức các hoạt động giáo dục, quản lý tài chính, tài sản theo quy định.

5.12. Trường Trung học cơ sở Tân Hương.

- Tổng diện tích đất là 5.241 m²
- Địa chỉ: Thôn Nam Tân Hương, xã Vĩnh Lại.
- Số phòng học: 13 phòng học đủ cho 14 lớp.
- Phòng học bộ môn: Có 02 phòng gồm: 01 phòng tin học, 01 phòng Âm nhạc.
- Khối phòng hỗ trợ học tập: Có 03 phòng gồm: 01 phòng thư viện, 01 phòng thiết bị, 01 phòng Đội - tư vấn tâm lý.
- Khối hành chính quản trị: Có 07 phòng gồm: 01 phòng hiệu trưởng, 01 phòng phó hiệu trưởng, 01 văn phòng, 01 phòng tổ chuyên môn, 01 phòng kế toán, văn thư, 01 phòng bảo vệ.
- Khối phụ trợ: Có 9 phòng gồm: 03 nhà kho, 02 nhà vệ sinh, 02 khu nhà để xe, cổng hàng rào, 01 phòng y tế.
- Thiết bị dạy học: Được trang bị tương đối đầy đủ, cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Hồ sơ, tài liệu: Có đầy đủ hồ sơ, tài liệu về công tác tổ chức, đội ngũ nhà giáo, nhân viên và học sinh; hồ sơ về tổ chức các hoạt động giáo dục, quản lý tài chính, tài sản theo quy định.

5.13. Trường Trung học cơ sở Nghĩa An.

- Tổng diện tích đất là 5.638 m²
- Địa chỉ: Thôn Tân Nghĩa, xã Vĩnh Lại.
- Phòng học: 18 phòng học đủ cho 18 lớp.
- Phòng học bộ môn: Có 02 phòng: 01 phòng tin học, 01 phòng Âm nhạc.

- Khối phòng hỗ trợ học tập: Có 05 phòng gồm: 01 phòng thư viện, 01 phòng thiết bị, 01 phòng truyền thống, 01 phòng tư vấn học đường, 01 phòng đoàn đội.
- Khối hành chính quản trị: Có 08 phòng gồm: 01 phòng hiệu trưởng, 01 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng bảo vệ, 04 nhà vệ sinh, 01 khu để xe.
- Khối phụ trợ: Có 10 phòng gồm: 02 phòng tổ chuyên môn, 01 phòng y tế, 03 nhà kho, 03 khu để xe, cổng hàng rào.
- Thiết bị dạy học: Được trang bị tương đối đầy đủ, cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Hồ sơ, tài liệu: Có đầy đủ hồ sơ, tài liệu về công tác tổ chức, đội ngũ nhà giáo, nhân viên và học sinh; hồ sơ về tổ chức các hoạt động giáo dục, quản lý tài chính, tài sản theo quy định.

5.14. Trường Trung học cơ sở Ứng Hòa.

- Tổng diện tích đất là 12.069 m²
- + Trường chính: Diện tích: 4.519 m²; Địa chỉ thôn Đỗ Xá, xã Vĩnh Lại.
- + Phân hiệu: Diện tích: 7.550 m²; Địa chỉ thôn Ninh Hòa, xã Vĩnh Lại.
- Phòng học: 16 phòng học đủ cho 16 lớp.
- Phòng học bộ môn: 06 phòng gồm: 02 phòng tin học, 02 phòng KHTN, 01 phòng Âm nhạc, 01 phòng công nghệ.
- Khối phòng hỗ trợ học tập: Có 08 phòng gồm: 02 phòng thư viện, 02 phòng thiết bị, 01 phòng truyền thống, 02 phòng tư vấn học đường, 01 phòng đoàn đội.
- Khối phòng hành chính quản trị: Có 12 phòng gồm: 01 phòng hiệu trưởng, 01 phòng phó hiệu trưởng, 02 phòng bảo vệ, 03 nhà vệ sinh, 03 khu để xe.
- Khối phụ trợ: Có 12 phòng gồm: 02 phòng tổ chuyên môn, 02 phòng y tế, 03 nhà kho, 03 khu để xe, 02 cổng hàng rào.
- Thiết bị dạy học: Được trang bị tương đối đầy đủ, cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Hồ sơ, tài liệu: Có đầy đủ hồ sơ, tài liệu về công tác tổ chức, đội ngũ nhà giáo, nhân viên và học sinh; hồ sơ về tổ chức các hoạt động giáo dục, quản lý tài chính, tài sản theo quy định.

5.15. Trường Trung học cơ sở Quyết Thắng.

- Tổng diện tích đất là 4991 m²
- Địa chỉ: Thôn Quyết Thắng, xã Vĩnh Lại
- Phòng học: 8 phòng học đủ cho 8 lớp.
- Phòng học bộ môn: 09 phòng gồm: 01 phòng tin học, 02 phòng KHTN, 01 phòng Mỹ thuật, 01 phòng Âm nhạc, 01 phòng công nghệ, 01 phòng nghe nhìn, 01 phòng đa chức năng, 01 phòng KHXH (ghép).
- Khối phòng hỗ trợ học tập: Có 03 phòng gồm: 01 phòng thư viện, 01 phòng thiết bị, 01 phòng truyền thống.
- Khối phòng hành chính quản trị: Có 08 phòng gồm: 01 phòng hiệu trưởng, 01 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng bảo vệ, 04 nhà vệ sinh, 01 khu để xe giáo viên.

- Khối phụ trợ: Có 13 phòng gồm: 02 phòng tổ chuyên môn, 01 phòng y tế-tư vấn học đường, 02 khu để xe học sinh, 02 nhà kho, 01 phòng kế toán, 02 phòng văn thư, 02 công hàng rào.

- Thiết bị dạy học: Được trang bị tương đối đầy đủ, cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hồ sơ, tài liệu: Có đầy đủ hồ sơ, tài liệu về công tác tổ chức, đội ngũ nhà giáo, nhân viên và học sinh; hồ sơ về tổ chức các hoạt động giáo dục, quản lý tài chính, tài sản theo quy định.

(Chi tiết tại phụ lục 04)

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ XÃ VĨNH LẠI

I. MỤC ĐÍCH

- Thực hiện sắp xếp các trường mầm non, tiểu học, THCS công lập có quy mô nhỏ để hình thành trường có quy mô lớn cùng cấp học, phù hợp với chủ trương chuyển mạnh tư duy từ "quản lý giáo dục" sang "quản trị phát triển giáo dục"; chuyển trọng tâm từ giảm đầu mỗi cơ học sang tái cấu trúc mạng lưới cơ sở giáo dục theo quy mô dân số, phân bố dân cư, tạo điều kiện thuận lợi cho người học và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Đổi mới quản trị nhà trường, mở rộng quy mô trường, lớp để sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và các nguồn lực đầu tư; gộp sắp xếp các trường với tinh gọn đầu mỗi quản lý, cơ cấu lại đội ngũ, "giảm biên chế quản lý giáo dục, tăng biên chế trực tiếp giảng dạy"; thực hiện mô hình một trường chính, có các điểm trường; hợp nhất các đầu mỗi quản lý để hình thành trường có quy mô lớn.

- Mở rộng cơ hội học tập, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, góp phần thực hiện mục tiêu đến năm 2030 đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 3, 4 tuổi; có ít nhất 85% người trong độ tuổi hoàn thành trung học phổ thông hoặc tương đương theo Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị.

II. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Nguyên tắc sắp xếp các trường công lập trên địa bàn xã

a) Việc sắp xếp các trường công lập phải phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy mô dân số và không gian phát triển địa phương; lấy mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục, hiệu quả đầu tư và năng lực quản trị làm định hướng xuyên suốt; không thực hiện sắp xếp cơ học chỉ nhằm giảm đầu mỗi; trong quá trình thực hiện cần đánh giá, rút kinh nghiệm, hình thành mô hình quản lý, đánh giá tác động đối với các đối tượng liên quan, đề ra giải pháp triển khai giai đoạn tiếp theo chặt chẽ, hiệu quả, tuyệt đối không để học sinh do hoàn cảnh khó khăn mà không được đến trường.

b) Tuân thủ các nguyên tắc chuyên môn và khoa học giáo dục; phù hợp đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, cấp học và loại hình cơ sở giáo dục: Thực hiện sắp xếp

các trường cùng cấp học trên địa bàn xã, sắp xếp không quá 03 trường thành một trường, theo mô hình trường có quy mô lớn: có 01 trường chính và các phân hiệu; bảo đảm sự ổn định, giữ nguyên các phân hiệu sau sắp xếp; học sinh đang học ở đâu vẫn học ở đó.

c) Lấy người học làm trung tâm; bảo đảm quyền học tập và cơ hội tiếp cận giáo dục; tạo điều kiện thuận lợi hơn cho học sinh đến trường, không làm phát sinh rào cản địa lý và chi phí; không ảnh hưởng đến công tác huy động học sinh ra lớp để duy trì và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục, phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị.

d) Gắn sắp xếp trường với đổi mới quản trị nhà trường và tinh gọn đầu mối quản lý; sử dụng hiệu quả đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất và nguồn lực đầu tư; đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm giải trình của địa phương và cơ sở giáo dục. Duy trì, nâng cao chất lượng giáo dục.

đ) Bảo đảm tính ổn định, kế thừa, hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến hoạt động dạy học, tâm lý của học sinh, nhà giáo và cha mẹ học sinh.

e) Theo dõi, đánh giá thường xuyên tình hình thực hiện dựa trên dữ liệu và tác động thực tiễn; kịp thời phát hiện vướng mắc để điều chỉnh phương án và nhân rộng các mô hình hiệu quả.

g, Việc sắp xếp các trường mầm non, phổ thông công lập phải gắn với bảo đảm các điều kiện chuẩn bị thật tốt cho khai giảng năm học mới 2026-2027, đúng tinh thần chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước.

2. Nguyên tắc, phương án, quy trình sắp xếp nhân sự

2.1. Nguyên tắc

a) Việc sắp xếp, bố trí nhân sự phải bảo đảm tính kế thừa, ổn định tổ chức, hạn chế tối đa việc xáo trộn đội ngũ; đồng thời bảo đảm sử dụng hiệu quả biên chế được giao, phát huy năng lực, sở trường của viên chức và đáp ứng yêu cầu quản trị cơ sở giáo dục sau sắp xếp.

b) Việc thực hiện bố trí, sắp xếp nhân sự đảm bảo theo đúng các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về điều kiện tiêu chuẩn, vị trí việc làm, định mức chuyên ngành và phù hợp với yêu cầu thực tế của địa phương. Trên cơ sở đó, căn cứ điều kiện thực tiễn và tiêu chuẩn, năng lực của cán bộ, tập thể lãnh đạo địa phương quyết định lựa chọn hiệu trưởng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cơ sở giáo dục sau sắp xếp.

c) Chỉ thực hiện sắp xếp, bố trí đối với đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên, lao động hợp đồng; đối với đội ngũ giáo viên cơ bản giữ ổn định để đảm bảo yêu cầu công tác giảng dạy.

d) Không thực hiện bổ nhiệm Hiệu trưởng từ nguồn Phó Hiệu trưởng trong giai đoạn thực hiện sắp xếp các cơ sở giáo dục

e, Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp và chế độ chính sách đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và nhân sự hỗ trợ giáo dục khi thực hiện sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông.

2.2. Phương án

2.2.1. Phương án bố trí nhân sự

a) Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

- Về số lượng:
 - + Hiệu trưởng: Mỗi cơ sở giáo dục có 01 hiệu trưởng.
 - + Phó Hiệu trưởng: Trường chính được bố trí 01 phó hiệu trưởng; mỗi phân hiệu được bố trí 01 phó hiệu trưởng.
- Về điều kiện, tiêu chuẩn:
 - + Bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn chung theo quy định của Đảng, pháp luật chuyên ngành, thành phố và quy định về công tác cán bộ của địa phương.
 - + Yêu tố ưu tiên: (1) Phẩm chất đạo đức, có uy tín và khả năng quy tụ tập thể; (2) Năng lực lãnh đạo, quản lý; (3) Trình độ chuyên môn, trình độ quản lý; (4) Độ tuổi phù hợp với cơ cấu; (5) Quy hoạch cao hơn; (6) Kết quả, thành tích trong thực hiện nhiệm vụ trong 03 năm gần nhất.
- Đối với người đứng đầu cơ sở giáo dục: Căn cứ vào điều kiện thực tiễn và điều kiện, tiêu chuẩn, năng lực cán bộ, tập thể lãnh đạo địa phương quyết định lựa chọn người đứng đầu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị mới sau sắp xếp; nhân sự được lựa chọn có thể ở trong hoặc ngoài các đơn vị sắp xếp thành đơn vị mới đó, đảm bảo sự thống nhất, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo đứng đầu cơ sở giáo dục trong toàn xã.

b) Đối với giáo viên: Cơ bản giữ nguyên trạng, bảo đảm ổn định tư tưởng. Việc bố trí, phân công giáo viên phù hợp với vị trí việc làm, trình độ chuyên môn, cơ cấu môn học và yêu cầu tổ chức dạy học của cơ sở giáo dục sau sắp xếp. Để bảo đảm sử dụng hiệu quả đội ngũ, đủ định mức giờ dạy, giáo viên được điều phối, phân công giảng dạy giữa trường chính và các phân hiệu.

c) Đối với nhân sự hỗ trợ giáo dục được bố trí như sau:

- Bố trí không quá 02 nhân viên: 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên văn thư cho trường mới để thực hiện nhiệm vụ.
- Vị trí nhân viên thư viện, thiết bị thí nghiệm, y tế, giáo vụ, tư vấn học sinh, hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, công nghệ thông tin: tiếp tục bố trí tại trường chính, và mỗi phân hiệu để đảm bảo duy trì, chất lượng các hoạt động dạy học và giáo dục sau sắp xếp. Mỗi vị trí việc làm này được bố trí 01 người.

Đối với vị trí nhân viên kế toán, văn thư khi thực hiện sắp xếp yếu tố ưu tiên: (1) Trình độ chuyên môn; (2) độ tuổi, thời gian công tác còn nhiều hơn; (3) Kết quả thực hiện nhiệm vụ trong 03 năm gần nhất.

- Đối với lao động hợp đồng (giáo viên, nhân viên): cơ bản giữ ổn định (nếu còn nguyện vọng), tiếp tục bố trí thực hiện các công việc theo hợp đồng thỏa thuận làm việc tại trường chính và các phân hiệu nếu còn chỉ tiêu, nhu cầu (là đơn vị ký hợp đồng trước khi sắp xếp).

2.2.2. Phương án bố trí nhân sự còn lại sau sắp xếp

(1) Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng còn lại của các cơ sở giáo dục trước khi sắp xếp được bố trí như sau:

- Đối với hiệu trưởng: ưu tiên bố trí giữ chức vụ quản lý cấp dưới liền kề nếu đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định hoặc bố trí vào vị trí việc làm nhà giáo hoặc vị trí việc làm khác phù hợp với trình độ đào tạo, chuyên môn, nghiệp vụ và yêu cầu của cơ sở giáo dục.

- Đối với phó hiệu trưởng: ưu tiên bố trí giữ chức vụ tổ trưởng, tổ phó chuyên môn hoặc bố trí vào vị trí việc làm nhà giáo hoặc vị trí việc làm khác phù hợp với trình độ đào tạo, chuyên môn, nghiệp vụ và yêu cầu của cơ sở giáo dục.

- Số lượng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng còn lại sau khi sắp xếp đủ theo quy định nếu có nguyện vọng nghỉ việc thì thực hiện giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế.

- Trường hợp hiệu trưởng, phó hiệu trưởng thôi giữ chức vụ hoặc được bổ nhiệm chức vụ mới có mức phụ cấp chức vụ thấp hơn do thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục thì được bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025).

(2) Đối với nhân sự hỗ trợ giáo dục còn lại của các cơ sở giáo dục trước khi sắp xếp

a) Bố trí vào vị trí việc làm nhân sự hỗ trợ giáo dục còn thiếu số lượng người làm việc theo định mức quy định. Trường hợp chưa đáp ứng tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng của vị trí việc làm mới thì giữ mã số, chức danh và hệ số lương đang được hưởng. Khi đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của vị trí việc làm mới sau sắp xếp thì bổ nhiệm chức danh và xếp lương theo vị trí việc làm đó hoặc bố trí bậc nghề nghiệp theo quy định.

Trong thời hạn 03 năm (36 tháng) kể từ ngày 05 tháng 8 năm 2026, nhân sự hỗ trợ giáo dục phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm mới; nếu không đáp ứng thì thực hiện chế độ thôi việc hoặc nghỉ hưu, tinh giản biên chế theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp cần thiết do cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định.

b) Không bố trí vào vị trí y tế trường học nếu không đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của vị trí việc làm.

c) Không bố trí vào vị trí việc làm kế toán nếu không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí việc làm kế toán hoặc thuộc các trường hợp không được làm kế toán theo quy định.

d) Bố trí vào vị trí việc làm nhà giáo nếu đạt trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo và đạt yêu cầu về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng ngay vị trí việc làm nhà giáo.

đ) Số lượng nhân sự hỗ trợ giáo dục còn lại sau khi sắp xếp đủ theo quy định tại điểm (a), điểm (b), điểm (c) và điểm (d) mục này thì thực hiện giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

2.3. Về quy trình thực hiện

Bước 1: UBND cấp xã xây dựng phương án, tiêu chí chi tiết, báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy xã phê duyệt.

Bước 2: Chủ tịch UBND xã ra quyết định bổ nhiệm, điều động theo đúng phân cấp quản lý. Phương án, kế hoạch phải bám sát, cập nhật kịp thời các văn bản chỉ đạo của Trung ương, phù hợp với tình hình thực tiễn và đặc thù của thành phố, bảo đảm nguyện vọng chính đáng của cán bộ, giáo viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục; hoàn

thiện tiêu chuẩn, điều kiện bố trí, sắp xếp nhân sự, bảo đảm công bằng, khách quan. Bổ nhiệm trong trường hợp sắp xếp được thực hiện theo Điều 33 Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ.

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

1. Phương án tổng thể; loại hình trường; mức độ tự chủ tài chính; phương án xử lý tài chính và tài sản, cơ sở vật chất, thiết bị, đất đai sau sắp xếp

1.1. Phương án tổng thể: Sắp xếp 15 trường công lập trên địa bàn xã Vĩnh Lại thành 08 trường công lập theo mô hình trường học quy mô lớn cùng cấp học, cụ thể: Mầm non sắp xếp 04 trường thành 03 trường; tiểu học sắp xếp 06 trường thành 03 trường; Trung học cơ sở sắp xếp 05 trường thành 02 trường. Giữ ổn định, không sắp xếp đôi với 03 trường: Mầm non Tân Hương, Mầm non Nghĩa An, Tiểu học Nghĩa An.

1.2. Loại hình trường: Các trường sau sáp nhập đều là đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.

1.3. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

- Các trường mầm non sau sắp xếp thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường Mầm non. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường có thể điều chỉnh, bổ sung theo Điều lệ trường mầm non mới.

- Các trường Tiểu học, THCS thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026 ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

1.4. Cơ chế và mức độ tự chủ tài chính

Sau Sáp nhập cơ chế và mức độ tự chủ tài chính của các trường được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP ngày 28/7/2026 của Chính phủ quy định tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập quy định và theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021, Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính.

1.5. Phương án xử lý tài chính và tài sản, cơ sở vật chất, thiết bị, đất đai

(1) Về xử lý tài chính: Việc xử lý tài chính khi thực hiện sáp nhập trường được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

(2) Về công nợ, nghĩa vụ tài chính: Việc bàn giao đầy đủ, nguyên trạng tài sản, công nợ (nợ phải thu, nợ phải trả), quyền sử dụng đất, các hợp đồng kinh tế, các quyền, nghĩa vụ khác khi thực hiện Sáp nhập được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

(3) Về xử lý tài sản khi sáp nhập đơn vị sự nghiệp công lập: Việc xử lý tài sản khi sáp nhập thực hiện theo quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Phương án sắp xếp

2.1. Sáp nhập trường Mầm non Quyết Thắng vào trường Mầm non Ứng Hòa thành trường Mầm non Ứng Hòa

a, Tên gọi

Trường Mầm non Ứng Hòa, xã Vĩnh Lại, thành phố Hải Phòng.

b, Trụ sở làm việc

- Trường chính đặt tại trường Mầm non Ứng Hòa (cũ); địa chỉ thôn Đỗ Xá, xã Vĩnh Lại, thành phố Hải Phòng.

- Trường Mầm non Ứng Hòa có 01 trường chính và 02 phân hiệu:

+ Trường chính (trường Mầm non Ứng Hòa cũ): Thôn Đỗ Xá, xã Vĩnh Lại.

+ Phân hiệu 1 (trường Mầm non Ninh Hòa cũ trước khi sáp nhập vào trường Mầm non Ứng Hòa cũ): Thôn Ninh Hòa, xã Vĩnh Lại.

+ Phân hiệu 2 (trường Mầm non Quyết Thắng cũ): Thôn Quyết Thắng, xã Vĩnh Lại.

c, Quy mô trường lớp

Tổng số nhóm lớp sau sáp nhập: Có 29 nhóm lớp, với 699 trẻ, trong đó có 09 nhóm Nhà trẻ với 195 trẻ và 20 lớp Mẫu giáo với 504 trẻ.

d, Cơ cấu tổ chức

- Cán bộ quản lý nhà trường gồm: 01 hiệu trưởng và 03 phó hiệu trưởng: 01 phó hiệu trưởng ở trường chính, 02 phó hiệu trưởng (mỗi người phụ trách một phân hiệu).

- Trường có các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường thực hiện theo quy định tại Điều lệ trường mầm non và các quy định khác của các tổ chức, đoàn thể. Các tổ chuyên môn được bố trí phù hợp theo điểm trường để nâng cao hiệu quả hoạt động sinh hoạt chuyên môn và tổ chức dạy học.

e, Số lượng người làm việc

- Trường Mầm non Ứng Hòa sau khi sáp nhập tiếp nhận toàn bộ viên chức và người lao động của trường Mầm non Ứng Hòa (cũ) và Mầm non Quyết Thắng (cũ).

- Số lượng người làm việc sau sáp nhập: Tổng số: 66 người, trong đó:

+ Cán bộ quản lý: 04 người gồm: 01 hiệu trưởng và 03 phó hiệu trưởng.

+ Giáo viên: 61 người đều là viên chức.

+ Nhân viên kế toán: 01 người.

+ Nhân viên văn thư kiêm thủ quỹ: 01 người.

+ Nhân viên nấu ăn: 08 (Hợp đồng phục vụ nhu cầu ăn bán trú tại trường chính và 02 phân hiệu).

+ Nhân viên bảo vệ: 03 (Hợp đồng).

- Số cán bộ quản lý dôi dư: 01 người.

g, Phương án giải quyết số cán bộ quản lý dôi dư

02 hiệu trưởng và 03 phó hiệu trưởng của 02 trường (MN Ứng Hòa, MN Quyết Thắng) thực hiện đánh giá theo quy định để lựa chọn theo Phương án nhân sự. Số hiệu trưởng, phó hiệu trưởng dôi dư sẽ bố trí theo nội dung Phương án bố trí nhân sự còn lại sau sắp xếp tại mục 2.2.2.

2.2. Sáp nhập trường Tiểu học Quyết Thắng và trường Tiểu học Ninh Hòa vào trường Tiểu học Ứng Hòa thành trường Tiểu học Ứng Hòa

a, Tên gọi

Trường Tiểu học Ứng Hòa, xã Vĩnh Lại, thành phố Hải Phòng.

b, Trụ sở làm việc

- Trường chính đặt tại trường Tiểu học Ứng Hòe (cũ); địa chỉ thôn Đỗ Xá, xã Vĩnh Lại, thành phố Hải Phòng.
- Trường Tiểu học Ứng Hòe có 01 trường chính và 02 phân hiệu.
- + Trường chính (trường Tiểu học Ứng Hòe cũ): Thôn Đỗ Xá, xã Vĩnh Lại.
- + Phân hiệu 1 (trường Tiểu học Ninh Hòa cũ): Thôn Ninh Hòa, xã Vĩnh Lại.
- + Phân hiệu 2 (trường Tiểu học Quyết Thắng cũ): Thôn Quyết Thắng, xã Vĩnh Lại.

c, Quy mô trường lớp

Tổng số lớp sau sáp nhập: Có 37 lớp, với 1051 học sinh, trong đó khối 1 có 08 lớp với 227 học sinh; khối 2 có 08 lớp với 234 học sinh; khối 3 có 07 lớp với 192 học sinh, khối 4 có 07 lớp với 204 học sinh; khối 5 có 07 lớp với 194 học sinh.

d, Cơ cấu tổ chức

- Cán bộ quản lý nhà trường gồm: 01 hiệu trưởng và 03 phó hiệu trưởng: 01 phó hiệu trưởng ở trường chính, 02 phó hiệu trưởng (mỗi người phụ trách một phân hiệu).
- Trường có các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường thực hiện theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học và các quy định khác của các tổ chức, đoàn thể. Các tổ chuyên môn được bố trí phù hợp theo điểm trường để nâng cao hiệu quả hoạt động sinh hoạt chuyên môn và tổ chức dạy học.

e, Số lượng người làm việc

- Trường Tiểu học Ứng Hòe sau khi sáp nhập tiếp nhận toàn bộ viên chức và người lao động của trường Tiểu học Ứng Hòe (cũ), Tiểu học Ninh Hòa cũ và Tiểu học Quyết Thắng (cũ).
- Số lượng người làm việc sau sáp nhập: Tổng số: 66 người, trong đó:
 - + Cán bộ quản lý: 04 người gồm: 01 hiệu trưởng và 03 phó hiệu trưởng.
 - + Giáo viên: 53 đều là viên chức.
 - + Nhân viên kế toán: 01 người.
 - + Nhân viên văn thư kiêm thủ quỹ: 01 người.
 - + Nhân viên thư viện: 03 người: Mỗi nhân viên phụ trách một thư viện tại một phân hiệu.
 - + Nhân viên y tế: 01 người (phụ trách điểm trường chính).
 - + Nhân viên giáo vụ: 01 người.
- Số cán bộ quản lý dôi dư: 02 người.

g, Phương án giải quyết số cán bộ quản lý dôi dư

- Hiệu trưởng trường Tiểu học Ứng Hòe cũ đã có Quyết định nghỉ hưu từ tháng 01/9/2026 không thực hiện bố trí cán bộ quản lý.
 - Điều động, bổ nhiệm 01 Hiệu trưởng trường TH Quyết Thắng về Văn phòng HĐND&UBND xã.
 - 01 hiệu trưởng (TH Ninh Hòa) và 03 phó hiệu trưởng của 03 trường (TH: Ứng Hòe, Quyết Thắng, Ninh Hòa) sẽ thực hiện đánh giá chung trong đội ngũ cán bộ quản lý các trường TH thuộc diện sắp xếp để lựa chọn theo Phương án nhân sự.
- Số hiệu trưởng, phó hiệu trưởng dôi dư sẽ bố trí theo nội dung Phương án bố trí nhân sự còn lại sau sắp xếp tại mục 2.2.2.

2.3. Sáp nhập trường Tiểu học Ninh Thành vào trường Tiểu học Tân Hương thành trường Tiểu học Tân Hương.

a, Tên gọi

Trường Tiểu học Tân Hương, xã Vĩnh Lại, thành phố Hải Phòng.

b, Trụ sở làm việc

- Trường chính đặt tại trường Tiểu học Tân Hương (cũ); địa chỉ thôn Đông Tân Hương, xã Vĩnh Lại, thành phố Hải Phòng.

- Trường Tiểu học Tân Hương có 01 trường chính và 01 phân hiệu:

+ Trường chính (trường Tiểu học Tân Hương cũ): Thôn Đông Tân Hương, xã Vĩnh Lại.

+ Phân hiệu (trường Tiểu học Ninh Thành cũ): Thôn Ninh Thành, xã Vĩnh Lại.

c, Quy mô trường lớp

Tổng số lớp sau sáp nhập: Có 30 lớp, với 936 học sinh, trong đó khối 1 có 06 lớp với 183 học sinh; khối 2 có 06 lớp với 206 học sinh; khối 3 có 06 lớp với 181 học sinh, khối 4 có 06 lớp với 183 học sinh; khối 5 có 06 lớp với 183 học sinh.

d, Cơ cấu tổ chức

- Cán bộ quản lý nhà trường gồm: 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng: 01 phó hiệu trưởng ở trường chính, 01 phó hiệu trưởng phụ trách phân hiệu.

- Trường có các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường thực hiện theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học và các quy định khác của các tổ chức, đoàn thể. Các tổ chuyên môn được bố trí phù hợp theo điểm trường để nâng cao hiệu quả hoạt động sinh hoạt chuyên môn và tổ chức dạy học.

e, Số lượng người làm việc

- Trường Tiểu học Tân Hương sau khi sáp nhập tiếp nhận toàn bộ viên chức và người lao động của trường Tiểu học Tân Hương cũ, trường Tiểu học Ninh Thành cũ.

- Số lượng người làm việc sau sáp nhập: Tổng số: 54 người, trong đó:

+ Cán bộ quản lý: 03 người gồm: 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng.

+ Giáo viên: 47 người (Biên chế 46; hợp đồng 01).

+ Nhân viên kế toán: 01 người.

+ Nhân viên văn thư kiêm thủ quỹ: 01 người.

+ Nhân viên thư viện: 02 người: Mỗi nhân viên phụ trách một thư viện tại một phân hiệu.

+ Nhân viên Y tế: 01 người (hợp đồng)

- Số cán bộ quản lý dôi dư: 01 người.

g, Phương án giải quyết số cán bộ quản lý dôi dư

- Thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 đối với 01 hiệu trưởng theo nguyện vọng cá nhân (Hiệu trưởng trường Tiểu học Ninh Thành cũ).

- 01 hiệu trưởng (TH Tân Hương) và 02 phó hiệu trưởng (TH Tân Hương và TH Ninh Thành) sẽ thực hiện đánh giá chung trong đội ngũ cán bộ quản lý các trường Tiểu học thực hiện sắp xếp đề lựa chọn theo Phương án nhân sự.

Số hiệu trưởng, phó hiệu trưởng dôi dư sẽ bố trí theo nội dung Phương án bố trí nhân sự còn lại sau sắp xếp tại mục 2.2.2.

2.4. Sáp nhập trường THCS Ninh Thành và trường THCS Tân Hương vào trường THCS Nghĩa An thành trường THCS Vĩnh Lại

a, Tên gọi

Trường THCS Vĩnh Lại, xã Vĩnh Lại, thành phố Hải Phòng.

b, Trụ sở làm việc

- Trường chính đặt tại trường THCS Nghĩa An (cũ); địa chỉ thôn Tân Nghĩa, xã Vĩnh Lại, thành phố Hải Phòng.

- Trường THCS Vĩnh Lại có 01 trường chính và 02 phân hiệu:

+ Trường chính (trường THCS Nghĩa An cũ): Thôn Tân Nghĩa, xã Vĩnh Lại.

+ Phân hiệu 1 (trường THCS Tân Hương cũ): Thôn Nam Tân Hương, xã Vĩnh Lại.

+ Phân hiệu 2 (trường THCS Ninh Thành cũ): Thôn Ninh Thành, xã Vĩnh Lại.

c, Quy mô trường lớp

Tổng số lớp sau sáp nhập: Có 40 lớp, với 1569 học sinh, trong đó khối 6 có 11 lớp với 407 học sinh; khối 7 có 09 lớp với 370 học sinh; khối 8 có 09 lớp với 364 học sinh, khối 9 có 11 lớp với 428 học sinh;

d, Cơ cấu tổ chức

- Cán bộ quản lý nhà trường gồm: 01 hiệu trưởng và 03 phó hiệu trưởng: 01 phó hiệu trưởng ở trường chính, 02 phó hiệu trưởng (mỗi người phụ trách một phân hiệu).

- Trường có các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường thực hiện theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở và các quy định khác của các tổ chức, đoàn thể. Các tổ chuyên môn được bố trí phù hợp theo điểm trường để nâng cao hiệu quả hoạt động sinh hoạt chuyên môn và tổ chức dạy học.

e, Số lượng người làm việc

- Trường Trung học cơ sở Vĩnh Lại sau khi sáp nhập tiếp nhận toàn bộ viên chức và người lao động của trường THCS Tân Hương cũ, trường THCS Ninh Thành cũ và trường THCS Nghĩa An cũ.

- Số lượng người làm việc sau sáp nhập: Tổng số: 83 người, trong đó:

+ Cán bộ quản lý: 04 người gồm: 01 hiệu trưởng và 03 phó hiệu trưởng.

+ Giáo viên: 67 người đều là viên chức.

+ Nhân viên kế toán: 01 người.

+ Nhân viên văn thư kiêm thủ quỹ: 01 người.

+ Nhân viên thư viện: 03 người: Mỗi nhân viên phụ trách một thư viện tại một phân hiệu.

+ Nhân viên thiết bị: 01 người (trường chính).

+ Nhân viên làm giáo vụ: 03 người: Mỗi người thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ giáo dục tại một phân hiệu.

+ Nhân viên hỗ trợ giáo dục khuyết tật: 01 người.

- Số cán bộ quản lý dôi dư: 02 người.

g, Phương án giải quyết số cán bộ quản lý, nhân viên dôi dư

Vị trí lãnh đạo, quản lý: 03 hiệu trưởng và 03 phó hiệu trưởng ở 03 trường (THCS Ninh Thành, THCS Tân Hương, THCS Nghĩa An) sẽ thực hiện đánh giá chung trong đội ngũ cán bộ quản lý các trường THCS thực hiện sắp xếp đề lựa chọn theo Phương án nhân sự.

Số hiệu trưởng, phó hiệu trưởng dôi dư sẽ bố trí theo nội dung Phương án bố trí nhân sự còn lại sau sắp xếp tại mục 2.2.2.

2.5. Sáp nhập trường THCS Quyết Thắng vào trường THCS Ứng Hòa thành trường THCS Ứng Hòa.

a, Tên gọi

Trường THCS Ứng Hòe, xã Vĩnh Lại, thành phố Hải Phòng.

b, Trụ sở làm việc

- Trường chính đặt tại trường THCS Ứng Hòe (cũ); địa chỉ thôn Đỗ Xá, xã Vĩnh Lại, thành phố Hải Phòng.

- Trường THCS Ứng Hòe có 01 trường chính và 02 phân hiệu:

+ Trường chính (trường THCS Ứng Hòe cũ): Thôn Đỗ Xá, xã Vĩnh Lại.

+ Phân hiệu 1 (trường THCS Ninh Hòa cũ trước khi sáp nhập vào trường THCS Ứng Hòe cũ): Thôn Ninh Hòa, xã Vĩnh Lại.

+ Phân hiệu 2 (trường THCS Quyết Thắng cũ): Thôn Quyết Thắng, xã Vĩnh Lại.

c, Quy mô trường lớp

Tổng số lớp sau sáp nhập: Có 24 lớp, với 888 học sinh, trong đó khối 6 có 06 lớp với 212 học sinh; khối 7 có 06 lớp với 222 học sinh; khối 8 có 06 lớp với 216 học sinh, khối 9 có 06 lớp với 238 học sinh.

d, Cơ cấu tổ chức

- Cán bộ quản lý nhà trường gồm: 01 hiệu trưởng và 03 phó hiệu trưởng: 01 phó hiệu trưởng ở trường chính, 02 phó hiệu trưởng (mỗi người phụ trách một phân hiệu).

- Trường có các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường thực hiện theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở và các quy định khác của các tổ chức, đoàn thể. Các tổ chuyên môn được bố trí phù hợp theo điểm trường để nâng cao hiệu quả hoạt động sinh hoạt chuyên môn và tổ chức dạy học.

e, Số lượng người làm việc

- Trường Trung học cơ sở Ứng Hòe sau khi sáp nhập tiếp nhận toàn bộ viên chức và người lao động của trường THCS Ứng Hòe cũ và trường THCS Quyết Thắng cũ.

- Số lượng người làm việc sau sáp nhập: Tổng số: 52 người, trong đó:

+ Cán bộ quản lý: 04 người gồm: 01 hiệu trưởng và 03 phó hiệu trưởng.

+ Giáo viên: 42 người đều là viên chức.

+ Nhân viên kế toán: 01 người.

+ Nhân viên văn thư kiêm thủ quỹ: 01 người.

+ Nhân viên thư viện: 02 người: Mỗi nhân viên phụ trách một thư viện tại một phân hiệu.

+ Nhân viên y tế kiêm giáo vụ: 01 người (nhân viên văn thư THCS Quyết Thắng cũ có bằng chuyên môn về y tế).

+ Nhân viên thiết bị: 01 người.

g, Phương án giải quyết số cán bộ quản lý dôi dư

02 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng (THCS Ứng Hòe, THCS Quyết Thắng) sẽ thực hiện đánh giá chung trong đội ngũ cán bộ quản lý các trường THCS thực hiện sắp xếp đề lựa chọn theo Phương án nhân sự.

Số hiệu trưởng, phó hiệu trưởng dôi dư sẽ bố trí theo nội dung Phương án bố trí nhân sự còn lại sau sắp xếp tại mục 2.2.2.

(Có Phương án nhân sự kèm theo)

3. Thời gian thực hiện sáp nhập

Các trường thực hiện sắp xếp đi vào hoạt động bắt đầu từ ngày 15/8/2026.

Phần IV

HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN

I. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

1. Về kinh tế

Việc sáp nhập nhưng vẫn giữ nguyên các phân hiệu không làm thay đổi cơ sở vật chất hiện có, song tạo hiệu quả rõ rệt về tổ chức và quản lý tài chính. Sau sáp nhập, giảm 07 đầu mối pháp nhân độc lập, tinh gọn 07 bộ máy quản lý, tập trung công tác tài chính, kế toán và hành chính về một đơn vị thống nhất, qua đó giảm chi phí quản trị và hạn chế sự phân tán nguồn lực. Ngân sách được điều hành tập trung, minh bạch và hiệu quả hơn; việc điều phối nhân sự, trang thiết bị giữa các điểm trường được thực hiện linh hoạt, tránh chồng chéo và lãng phí, khắc phục tình trạng bất hợp lý về cơ cấu đội ngũ giáo viên giữa các trường; đồng thời, các phòng chức năng, phòng hành chính quản trị tại các phân hiệu sáp nhập được tích hợp, chuyển đổi công năng sang phục vụ trực tiếp cho hoạt động dạy học, nuôi dưỡng hoặc làm phòng học nhóm. Hiệu quả kinh tế của Đề án thể hiện ở việc nâng cao hiệu suất sử dụng ngân sách và tăng hiệu lực quản lý, bảo đảm sử dụng tối ưu các nguồn lực đã được đầu tư.

2. Về xã hội

Mô hình trường học quy mô lớn cùng cấp học “một trường chính, nhiều phân hiệu” duy trì nguyên trạng vị trí các phân hiệu, học sinh giữ nguyên nơi học, không làm thay đổi rào cản địa lý hay phát sinh chi phí đi lại đối với gia đình, tạo sự yên tâm cho cha mẹ học sinh và đảm bảo quyền lợi học tập cho người học. Hoạt động chuyên môn được quản lý tập trung, thống nhất chương trình, kế hoạch giáo dục trên toàn xã. Đội ngũ giáo viên được trao đổi, hỗ trợ chuyên môn sâu rộng hơn; các hoạt động giáo dục trải nghiệm, kỹ năng sống, ứng dụng công nghệ thông tin và AI được triển khai đồng bộ, từ đó tạo nên bước đột phá nâng cao chất lượng giáo dục. Đề án hiện thực hóa chủ trương tinh gọn bộ máy của Đảng và Nhà nước, gắn liền với nâng cao chất lượng giáo dục, bảo đảm quyền lợi của người học, tạo sự đồng thuận cao trong hệ thống chính trị và nhân dân.

II. TÁC ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN

Thực hiện sắp xếp các đơn vị trường học trong phạm vi toàn xã, ở tất cả các cấp học, giảm 07 đơn vị trường học dẫn đến dôi dư số lượng cán bộ quản lý và nhân viên hành chính (nhân viên kế toán, văn thư, y tế) nhiều, đồng thời cần phải thực hiện tinh giản ngay, miễn nhiệm hoặc chuyển giao vị trí công tác. Điều này ảnh hưởng đến tâm lý, tư tưởng và sự ổn định công tác của đội ngũ viên chức, nhất là những người đang giữ chức vụ lãnh đạo quản lý. Đồng thời, với mô hình trường học quy mô lớn sau sắp xếp đặt ra áp lực lớn và yêu cầu rất cao về năng lực quản lý, điều hành của đội ngũ cán bộ quản lý, nhất là người đứng đầu đơn vị mới. Vì vậy, việc lựa chọn, bố trí viên chức lãnh đạo quản lý phải được thực hiện nghiêm túc, thận trọng, khoa học, chặt chẽ, đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch, trong đó quan tâm đến viên chức quản lý có năng lực nổi trội, có trách nhiệm, tâm huyết với công việc để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quản trị trường học trong giai đoạn mới hiện nay.

Phần V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã xây dựng Đề án sắp xếp các trường trên địa bàn xã Vĩnh Lại; Ban hành Công văn xin ý kiến các Sở có liên quan và cán bộ, giáo viên, nhân viên cùng phụ huynh các trường trong diện sắp xếp; Ban hành Quyết định thành lập trường mới sau sắp xếp; Quyết định tiếp nhận viên chức, người lao động theo Đề án; Quyết định bổ nhiệm chức danh hiệu trưởng, phó hiệu trưởng mới theo quy định.

- Hướng dẫn các trường ngay sau khi có Quyết định thành lập xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy; Quy chế làm việc của đơn vị; xây dựng Đề án vị trí việc làm theo quy định của pháp luật.

- Báo cáo kết quả thực hiện Đề án sắp xếp trường trên địa bàn xã về UBND thành phố, Sở GD&ĐT, Sở Nội vụ theo quy định.

2. Phòng Kinh tế

- Chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc các trường thực hiện kiểm kê tài sản, cơ sở vật chất, thiết bị và chốt ngân sách giao năm 2026; thực hiện việc bàn giao, quản lý, sử dụng tài sản, ngân sách sau sắp xếp theo đúng quy định. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã đảm bảo kinh phí hoạt động, cơ sở vật chất thực hiện các chính sách về giáo dục theo quy định và phù hợp với ngân sách địa phương.

- Hướng dẫn các trường sau sắp xếp thực hiện việc ;lập hồ sơ đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định.

3. Công an xã

Chủ trì thu hồi con dấu cũ đối với các trường thuộc diện sắp xếp, hướng dẫn đăng ký, cấp đổi con dấu mới và quản lý sử dụng đúng quy định của pháp luật.

4. Văn phòng HĐND&UBND

Phối hợp tổ chức các hội nghị triển khai, hướng dẫn, đôn đốc các trường quản lý, lưu trữ và bàn giao tài liệu liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

5. Các trường mới được thành lập

- Đẩy mạnh việc quán triệt, tuyên truyền trong đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên về chủ trương của Đảng, Nhà nước về tinh gọn bộ máy đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập gắn với mô hình chính quyền địa phương hai cấp và thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo

- Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động, Quy chế làm việc của đơn vị; xây dựng Đề án vị trí việc làm trình Ủy ban nhân dân xã phê duyệt theo quy định hiện hành.

- Bố trí, sử dụng nguồn nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, học liệu phục vụ các hoạt động giáo dục hiệu quả.

- Định kỳ kiểm tra, tự đánh giá hiệu quả của đơn vị để kịp thời điều chỉnh, bổ sung phù hợp.

6. Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công

Thực hiện công tác tuyên truyền về Đề án sắp xếp các trường trên địa bàn xã để các cơ quan, tổ chức và đội ngũ viên chức, người lao động trong các đơn vị trường học có sự đồng thuận, thống nhất cao trong quá trình thực hiện sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức, lãnh đạo các trường; đồng thời để nhân dân trong xã nắm bắt được việc sắp xếp các trường theo mô hình trường có quy mô lớn cùng cấp học là

chủ trương của Đảng, Nhà nước về tinh gọn bộ máy đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập gắn với mô hình chính quyền địa phương hai cấp và thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân thành phố;
- Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố;
- Sở Nội vụ thành phố;
- Sở Tài chính thành phố;
- Sở Xây dựng thành phố;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị SN thuộc UBND xã;
- Các trường học thuộc xã;
- Lưu: VT, VHXX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hương

THỰC TRẠNG QUY MÔ TRƯỜNG, LỚP, SỐ HỌC SINH CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS

(Kèm theo Đề án /ĐA-UBND ngày tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lại)

I. Các trường mầm non

TT	Tên trường	Tổng số nhà trẻ/Mẫu giáo		Nhà trẻ		Lớp 3 tuổi		Lớp 4 tuổi		Lớp 5 tuổi		Tổng	
		Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp
1	Trường mầm non Tân Hương	544	21	101	5	136	6	125	5	182	5	443	16
2	Trường mầm non Nghĩa An	502	17	125	5	130	5	101	3	146	4	377	12
3	Trường mầm non Ứng Hòe	502	20	140	6	119	5	103	4	140	5	362	14
4	Trường Mầm non Quyết Thắng	197	9	55	3	42	2	42	2	58	2	142	6
	Tổng	1745	67	421	19	427	18	371	14	526	16	1324	48
	Bình quân số HS/lớp	26.0		22.2		23.7		26.5		32.9		27.6	

II. Các trường Tiểu học

TT	Tên trường	Tổng		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
		Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp
1	Trường Tiểu học Ninh Thành	285	10	52	2	63	2	59	2	57	2	54	2
2	Trường Tiểu học Tân Hương	651	20	131	4	143	4	122	4	126	4	129	4
3	Trường Tiểu học Nghĩa An	812	26	159	5	160	5	176	6	167	5	150	5
4	Trường Tiểu học Ninh Hòa	214	9	39	2	43	2	44	2	37	1	51	2
5	Trường Tiểu học Ứng Hòe	562	18	126	4	140	4	94	3	117	4	85	3
6	Trường Tiểu học Quyết Thắng	275	10	62	2	51	2	54	2	50	2	58	2
	Tổng	2799	93	569	19	600	19	549	19	554	18	527	18
	Bình quân số HS/lớp	30.1		29.9		31.6		28.9		30.8		29.3	

III. Các trường THCS

TT	Tên trường	Tổng		Khối 6		Khối 7		Khối 8		Khối 9	
		Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp
1	Trường THCS Ninh Thành	264	8	69	2	59	2	50	2	86	2
2	Trường THCS Tân Hương	553	14	145	4	135	3	130	3	143	4
3	Trường THCS Nghĩa An	752	18	193	5	176	4	184	4	199	5
4	Trường THCS Ứng Hòe	631	16	157	4	144	4	149	4	181	4
5	Trường THCS Quyết Thắng	257	8	55	2	78	2	67	2	57	2
	Tổng	2457	64	619	17	592	15	580	15	666	17
	Bình quân số HS/lớp	38.4		36.4		39.5		38.7		39.2	

IV. Tổng học sinh toàn xã	Số học sinh	Số nhóm/lớp
	7001	224

THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS
(Kèm theo Đề án /ĐA-UBND ngày tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lại)

TT	Trường	Biên chế giao	Biên chế có mặt	Tổng	Số đăng viên	Cán bộ quản lý	Giáo viên		Nhân viên								
							Biên chế	Hợp đồng	Tổng	Kế toán	Văn thư	Thư viện	Thiết bị	Y tế	Nấu ăn (Hợp đồng)	Bảo vệ (Hợp đồng)	Diễn giải
1	Mầm non Tân Hương	55	52	61	41	4	47	1	10	1				1	6	2	01 HĐ KT
2	Mầm non Nghĩa An	38	38	44	38	3	34	0	7	1					5	1	
3	Mầm non Ứng Hòe	45	44	53	39	2	41	0	9	1					6	2	
4	Mầm non Quyết Thắng	22	22	25	20	3	18	0	4	1					2	1	
5	Tiểu học Ninh Thành	20	20	21	19	2	16	0	3	1		1				1	
6	Tiểu học Tân Hương	34	34	36	26	2	30	1	4	1		1		1		1	01 HĐ y tế
7	Tiểu học Nghĩa An	46	46	47	36	3	40	2	4	1		1		1		1	
8	Tiểu học Ninh Hòa	18	18	19	16	2	14	0	3	1		1				1	
9	Tiểu học Ứng Hòe	30	30	31	25	2	25	0	4	1		1		1		1	
10	Tiểu học Quyết Thắng	18	18	19	18	2	14	0	3	1		1				1	
11	THCS Ninh Thành	19	19	20	18	2	14	0	4	1	1	1				1	

TT	Trường	Biên chế giao	Biên chế có mặt	Tổng	Số đăng viên	Cán bộ quản lý	Giáo viên		Nhân viên								
							Biên chế	Hợp đồng	Tổng	Kế toán	Văn thư	Thư viện	Thiết bị	Y tế	Nấu ăn (Hợp đồng)	Bảo vệ (Hợp đồng)	Diễn giải
12	THCS Tân Hương	28	28	29	24	2	23	0	4	1	1	1				1	
13	THCS Nghĩa An	36	36	37	34	2	30	0	5	1	1	1	1			1	
14	THCS Ứng Hòa	33	33	35	27	2	28	0	5	1	1	1				2	
15	THCS Quyết Thắng	19	19	20	14	2	14	0	4	1	1		1			1	
Tổng		461	457	496	395	36	387	4	73	15	5	10	2	4	19	18	

THÔNG KÊ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ

(Kèm theo Đề án /ĐA-UBND ngày tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lại)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Năm bổ nhiệm lần đầu của chức vụ hiện tại (Đối với CBQL)
I. Cán bộ quản lý các trường thuộc diện sắp xếp						
1	Nguyễn Thị Thành	04/10/1981	Mầm non Ứng Hòa	Hiệu trưởng	Đại học sư phạm mầm non	2016
2	Hồ Thị Hùy	21/01/1982	Mầm non Ứng Hòa	Phó Hiệu trưởng	Đại học sư phạm mầm non	2015
3	Hà Thị Huyền	26/03/1980	Mầm non Ứng Hòa	Phó Hiệu trưởng	Đại học sư phạm mầm non	2017
4	Nguyễn Thị Oanh	21/06/1971	Mầm non Quyết Thắng	Hiệu trưởng	Đại học sư phạm mầm non	2011
5	Nguyễn Thị Ánh	17/07/1982	Mầm non Quyết Thắng	Phó Hiệu trưởng	Đại học sư phạm mầm non	2016
6	Nguyễn Thị Chiên	28/08/1982	Mầm non Quyết Thắng	Phó Hiệu trưởng	Đại học sư phạm mầm non	2024
7	Phạm Duy Nhất	28/09/1966	Tiểu học Ninh Thành	Hiệu trưởng	Đại học quản lý giáo dục	2007
8	Nguyễn Đức Toàn	20/01/1974	Tiểu học Ninh Thành	Phó Hiệu trưởng	Đại học sư phạm	2022
9	Lê Tô Uyên	10/10/1972	Tiểu học Tân Hương	Hiệu trưởng	Đại học sư phạm Tiểu học Đại học Quản lý giáo dục	2011
10	Dương Thị Phương	20/10/1984	Tiểu học Tân Hương	Phó Hiệu trưởng	Đại học sư phạm Thạc sĩ quản lý giáo dục	2023
11	Lê Thị Minh Thu	20/08/1969	Tiểu học Ứng Hòa	Hiệu trưởng	Đại học sư phạm	2005
12	Bùi Thị Phương Nhung	29/11/1982	Tiểu học Ứng Hòa	Phó Hiệu trưởng	Đại học sư phạm	2021
13	Phạm Văn Hiếu	24/01/1971	Tiểu học Quyết Thắng	Hiệu trưởng	Đại học quản lý giáo dục Thạc sĩ Quản lý giáo dục	2025
14	Vũ Văn Tuyền	20/05/1984	Tiểu học Quyết Thắng	Phó Hiệu trưởng	Đại học sư phạm tiểu học	2022
15	Trần Thị Hương	06/07/1977	Tiểu học Ninh Hòa	Hiệu trưởng	Đại học sư phạm Tiểu học Thạc sĩ quản lý giáo dục	2021
16	Đỗ Văn Chiến	16/01/1979	Tiểu học Ninh Hòa	Phó Hiệu trưởng	Đại học sư phạm Tiểu học	2017
17	Phạm Thị Thuyến	25/12/1973	THCS Ninh Thành	Hiệu trưởng Bí thư Chi bộ	Cao đẳng Sư phạm Văn Đại học Sư phạm Văn Đại học ngôn ngữ Anh Thạc sỹ: Quản lý giáo dục	2006

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Năm bổ nhiệm lần đầu của chức vụ hiện tại (Đối với CBQL)
18	Bùi Đăng Xường	09/08/1978	THCS Ninh Thành	Phó Hiệu trưởng Phó bí thư Chi bộ	Cao Đẳng Sư Phạm Hóa Sinh Đại học sư phạm Hóa học Thạc sỹ: Quản lý giáo dục	2016
19	Đào Thanh Nam	29/04/1976	THCS Tân Hương	Hiệu trưởng	Đại học sư phạm Toán Thạc sỹ quản lý giáo dục	2010
20	Nguyễn Thái Hoàn	03/05/1976	THCS Tân Hương	Phó hiệu trưởng	Đại học sư phạm Toán Thạc sỹ quản lý giáo dục	2017
21	Ngô Hồng Loan	22/10/1971	THCS Nghĩa An	Hiệu trưởng	Đại học sư phạm Ngữ văn, Chuyên viên quản lý nhà nước	2015
22	Bùi Khắc Khải	07/05/1982	THCS Nghĩa An	Hiệu phó	Đại học sư phạm kỹ thuật, Đại học SP Vật lý Thạc sỹ quản lý giáo dục	2014
23	Nguyễn Thị Tươi	27/10/1972	THCS Ứng Hòa	Hiệu trưởng, BTCB	Đại học sư phạm Vật lý	2017
24	Nguyễn Văn Huy	23/10/1978	THCS Ứng Hòa	Phó HT, Phó BTCB	Đại học sư phạm Toán Thạc sỹ quản lý giáo dục	2015
25	Nguyễn Văn Hồng	17/11/1980	THCS Quyết Thắng	Hiệu trưởng	Đại học sư phạm Ngữ Văn; Thạc sỹ quản lý giáo dục	2021
26	Bùi Văn Hoàng	18/01/1977	THCS Quyết Thắng	Phó hiệu trưởng	Đại học sư phạm Toán	2021
II. Cán bộ quản lý các trường giữ ổn định						
27	Phạm Thị Phương	08/02/1984	Mầm non Tân Hương	Hiệu trưởng	Đại học sư phạm mầm non	2023
28	Hà Thị Mến	19/06/1972	Mầm non Tân Hương	Phó hiệu trưởng	Đại học sư phạm mầm non	2026
29	Hà Thị Thanh Nga	23/08/1985	Mầm non Tân Hương	Phó hiệu trưởng	Đại học sư phạm mầm non	2024
30	Hà Thị Ngát	08/10/1986	Mầm non Tân Hương	Phó hiệu trưởng	Đại học sư phạm mầm non	2016
31	Nguyễn Thị Hải	01/11/1973	Mầm non Nghĩa An	Hiệu trưởng	Đại học sư phạm mầm non	2015
32	Nguyễn Thị Hương	17/12/1990	Mầm non Nghĩa An	Phó Hiệu trưởng	Đại học sư phạm mầm non	2024
33	Hà Thị Như	28/02/1979	Mầm non Nghĩa An	Phó Hiệu trưởng	Đại học sư phạm mầm non	2007
34	Nguyễn Thị Lan Anh	04/12/1974	Tiểu học Nghĩa An	Hiệu trưởng	Đại học sư phạm Đại học quản lý giáo dục	2002
35	Nguyễn Hồng Quang	14/08/1975	Tiểu học Nghĩa An	Phó Hiệu trưởng	Đại học sư phạm Đại học quản lý Thạc sỹ quản lý giáo dục	2004
36	Nguyễn Thị Thanh Liên	18/12/1971	Tiểu học Nghĩa An	Phó Hiệu trưởng	Đại học Sư phạm Đại học quản lý giáo dục	2001

Phụ lục 3.2

THỐNG KÊ ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ
(Kèm theo Đề án /ĐA-UBND ngày tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lại)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Năm vào ngành	Đơn vị công tác	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Ghi chú
I. Đội ngũ nhân viên các trường thuộc diện sắp xếp							
1	Nguyễn Thị Năm	05/10/1983	2003	Mầm non Ứng Hòe	Nhân viên kế toán	Đại học tài chính kế toán	
2	Nguyễn Thị Phương Liên	06/10/1989	2024	Mầm non Quyết Thắng	Nhân viên Kế toán	Đại học kế toán tài chính	
3	Nguyễn Thị Yến	11/11/1976	1998	Tiểu học Ninh Thành	Nhân viên kế toán	Đại học QT tài chính, KT	
4	Đỗ Thị Thu Hường	03/03/1983	2008	Tiểu học Ninh Thành	Nhân viên thư viện	Đại học khoa học thư viện	
5	Hà Thị Thủy	03/05/1977	2008	Tiểu học Tân Hương	Nhân viên Thư viện	Đại học Thư viện-Thiết bị	
6	Trần Thị Tuấn Hương	09/06/1982	2002	Tiểu học Tân Hương	Nhân viên Kế toán	Đại học quản trị, tài chính, kế toán	
7	Đào Thị Vân Anh	06/10/1985	2014	Tiểu học Tân Hương	Văn thư- Y tế	Trung cấp Y	Hợp đồng
8	Phan Thị Điều	01/04/1994	2022	Tiểu học Ứng Hòe	Nhân viên kế toán	Đại học kế toán	
9	Bùi Thị Hương	07/04/1986	2007	Tiểu học Ứng Hòe	Nhân viên thư viện	Đại học Thông tin-Thư viện	
10	Trịnh Thị Thêu	03/02/1984	2009	Tiểu học Ứng Hòe	Nhân viên y tế	Trung cấp điều dưỡng, y sỹ	
11	Nguyễn Thị Hoài	07/10/1988	2008	Tiểu học Quyết Thắng	Nhân viên Thư viện	Đại học Thông tin Thư viện	
12	Vũ Thị Hương	11/09/1979	2002	Tiểu học Quyết Thắng	Nhân viên Kế toán - VT	Đại học Kinh tế	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Năm vào ngành	Đơn vị công tác	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Ghi chú
13	Trịnh Thị Xem	12/08/1974	2003	Tiểu học Ninh Hòa	Nhân viên Kế toán	Đại học Kế toán	
14	Nguyễn Thị Xuân	19/03/1986	2008	Tiểu học Ninh Hòa	Nhân viên TV-TB	Đại học Thư viện-thiết bị trường học	
15	Hà Thị Thu Hà	24/06/1984	2008	THCS Ninh Thành	Nhân viên Thư viện	Cao đẳng Thư viện	
16	Nguyễn Thị Hoài	05/08/1982	2008	THCS Ninh Thành	Nhân viên Văn thư	Đại học Lưu trữ học & Quản trị văn phòng	
17	Nguyễn Thị Huyền	12/05/1973	1999	THCS Ninh Thành	Nhân viên Kế toán	Đại học Tài chính	
18	Triệu Thị Hoạt	10/01/1980	2006	THCS Tân Hương	Nhân viên thư viện	Đại học Thư viện	
19	Nguyễn Thị Hường	23/03/1980	2004	THCS Tân Hương	Nhân viên văn thư	Đại học Quản trị văn phòng	
20	Hà Thị Chinh	20/11/1972	1996	THCS Tân Hương	Nhân viên kế toán	Đại học Kế toán	
21	Nguyễn Mạnh Hùng	15/04/1983	2008	THCS Nghĩa An	Nhân viên Thiết bị	Cao Đẳng Thiết bị	
22	Phạm Thị Huyền	28/02/1987	2008	THCS Nghĩa An	Nhân viên Thư viện	Đại học Thư viện	
23	Bùi Thị Thu Hương	25/04/1982	2004	THCS Nghĩa An	Nhân viên Văn thư	Đại học Quản trị Văn phòng	
24	Nguyễn Thị Lý	10/01/1983	2010	THCS Nghĩa An	Nhân viên Kế toán	Đại học Tài chính - Kế toán	
25	Đỗ Thị Huyền	04/02/1987	2008	THCS Ứng Hòa	Nhân viên Văn thư	Đại học Văn thư - Lưu trữ	
26	Hồ Thanh Trang	05/01/1987	2009	THCS Ứng Hòa	Nhân viên thư viện	Đại học Thư viện - Thiết bị	
27	Nguyễn Tiến Thịnh	02/01/1975	1998	THCS Ứng Hòa	Nhân viên kế toán	Đại học Kế toán	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Năm vào ngành	Đơn vị công tác	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Ghi chú
28	Nguyễn Thị Thìn	22/06/1984	2006	THCS Quyết Thắng	Nhân viên Văn thư	Trung cấp văn thư Trung cấp y sỹ đa khoa	
29	Phạm Thị Huế	14/07/1987	2010	THCS Quyết Thắng	Nhân viên Thiết bị - Thư viện	Đại học Thư viện và Thiết bị trường học	
30	Vũ Thị Nhâm	22/06/1978	1999	THCS Quyết Thắng	Nhân viên Kế toán	Đại học kế toán	
II. Đội ngũ nhân viên các trường giữ ổn định							
31	Ngô Thị Thùy Dung	20/01/1998	2025	Mầm non Tân Hương	Nhân viên Kế toán	Đại học Kinh tế	Hợp đồng
32	Bùi Thị Nga	07/04/1986	2008	Mầm non Tân Hương	Nhân viên Y tế	Trung cấp y	
33	Nguyễn Thị Mai	24/07/1993	2017	Mầm non Nghĩa An	Nhân viên kế toán	ThS Kế toán	
34	Lưu Thị Huyền Trang	05/05/1991	2022	Tiểu học Nghĩa An	Nhân viên Kế toán	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	
35	Nguyễn Thị Thu Hoa	29/08/1982	2006	Tiểu học Nghĩa An	Y tế học đường	Trung cấp Y	
36	Hà Thị Hiên	29/08/1984	2007	Tiểu học Nghĩa An	Nhân viên Thư viện	Đại học Thông tin-thư viện	

Phụ lục 4

**THỐNG KÊ THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT
CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ XÃ VĨNH LẠI**

(Kèm theo Đề án /ĐA-UBND ngày tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lại)

TT	Trường	Số điểm trường	Diện tích (m ²)	Phòng học	Phòng học bộ môn	Phòng phục vụ/hỗ trợ học tập	Khối phòng hành chính quản trị	Khối phòng phụ trợ	Khối phòng phục vụ sinh hoạt/ Tổ chức bếp ăn
1	Mầm non Tân Hương	2	14,054	19		3	8	2	2
2	Mầm non Nghĩa An	2	7,188	17		4	5	4	1
3	Mầm non Ứng Hòa	2	12,430	20		7	5	4	2
4	Mầm non Quyết Thắng	1	5,809	9		2	5	1	1
5	Tiểu học Ninh Thành	1	3,191	10	3	4	9	4	2
6	Tiểu học Tân Hương	1	9,418	20	4	3	7	6	1
7	Tiểu học Nghĩa An	1	7,175	27	4	3	10	4	1
8	Tiểu học Ninh Hòa	1	6,421	9	5	3	6	5	
9	Tiểu học Ứng Hòa	1	5,553	18	3	3	8	4	1
10	Tiểu học Quyết Thắng	1	6,708	10	3	3	3	5	2
11	THCS Ninh Thành	1	3,532	8	5	3	7	7	
12	THCS Tân Hương	1	5,241	13	2	3	7	9	
13	THCS Nghĩa An	1	5,638	18	2	5	8	10	
14	THCS Ứng Hòa	2	12,069	16	6	8	12	12	
15	THCS Quyết Thắng	1	4,991	8	9	3	8	13	
TỔNG		19	109,418	222	46	57	108	90	13

Số TT	Cấp học	Tên trường trước sắp xếp	Số lớp (trước sắp xếp)	Số học sinh (trước sắp xếp)	Diện tích		Phương án sắp xếp	Tên trường sau sắp xếp	Số lớp dự kiến (sau sắp xếp)	Số học sinh dự kiến (sau sắp xếp)	Trường chính và các phân hiệu sau sắp xếp
					Diện tích trước sắp nhập	Tổng diện tích sau sắp nhập					
1	Mầm non	Mầm non Ứng Hòa	20	502	12,430	18,239	Sáp nhập trường Mầm non Quyết Thắng vào trường mầm non Ứng Hòa	Trường Mầm non Ứng Hòa	29	699	- Trường chính: (Trường MN Ứng Hòa cũ): Thôn Đỗ Xá; - Phân hiệu 1: (Trường MN Ứng Hòa cũ): Thôn Ninh Hòa; - Phân hiệu 2: (Trường MN Quyết Thắng cũ): Thôn Quyết Thắng.
2		Mầm non Quyết Thắng	9	197	5,809						
3	Tiểu học	Tiểu học Tân Hương	20	651	9,418	12,609	Sáp nhập trường Tiểu học Ninh Thành vào trường Tiểu học Tân Hương	Trường Tiểu học Tân Hương	30	936	- Trường chính: (Trường Tiểu học Tân Hương cũ) , Thôn Đông Tân Hương; - Phân hiệu: (Trường Tiểu học Ninh Thành cũ), Thôn Ninh Thành.
4		Tiểu học Ninh Thành	10	285	3,191						
5		Tiểu học Ứng Hòa	18	562	5,553	18,682	Sáp nhập trường Tiểu học Ninh Hòa và trường Tiểu học Quyết Thắng vào trường Tiểu học Ứng Hòa	Trường Tiểu học Ứng Hòa	37	1.051	- Trường chính: (Trường Tiểu học Ứng Hòa cũ), Thôn Đỗ Xá; - Phân hiệu 1: (Trường Tiểu học Ninh Hòa cũ), Thôn Ninh Hòa; - Phân hiệu 2: (Trường Tiểu học Quyết Thắng cũ), Thôn Quyết Thắng.
6		Tiểu học Quyết Thắng	10	275	6,708						
7		Tiểu học Ninh Hòa	9	214	6,421						

